

## **LỜI MỞ ĐẦU**

### **1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu**

Trong nền kinh tế thị trường ngày một phát triển và đổi mới, đặc biệt trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế như hiện nay. Các doanh nghiệp không những quyết định sự tồn tại, phồn vinh của nền công nghiệp hiện đại hoá mà còn quyết định vị thế của đất nước lớn mạnh hay yếu kém.. Vì vậy cần phải phát triển mọi mặt trong hoạt động sản xuất kinh doanh từ việc đầu tư, sử dụng vốn, tổ chức sản xuất cho đến tiêu thụ sản phẩm phải biết tận dụng năng lực, cơ hội để lựa chọn cho mình một hướng đi đúng đắn. Để đạt được điều đó mỗi doanh nghiệp đều không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm và hạ được giá thành. Nhưng làm thế nào để hạ được giá thành của sản phẩm mà vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm, tạo được vị thế cạnh tranh, đẩy mạnh việc tiêu thụ và đem lại lợi nhuận cho doanh nghiệp là một điều vô cùng khó khăn. Do đó các doanh nghiệp cần phải thực hiện tốt tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là một trong những phần hành quan trọng của tổ chức kế toán, không chỉ có nhiệm vụ phản ánh chính xác kịp thời chi phí sản xuất, chính xác giá thành của sản phẩm mà còn phải tìm cách kiểm soát chặt chẽ các chi phí phát sinh ở từng bộ phận trong doanh nghiệp. Qua nguồn cung cấp số liệu của kế toán chi phí – giá thành các nhà quản trị doanh nghiệp có thể đưa ra các phương án thích hợp giữa việc sản xuất kinh doanh cho đến việc xác định giá bán của sản phẩm được xem là một khâu quan trọng của kế toán trong các doanh nghiệp sản xuất. Vì vậy việc hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là việc làm cần thiết và có ý nghĩa đối với các doanh nghiệp.

## **2. Mục đích nghiên cứu của đề tài.**

- Về mặt lý luận: Hệ thống những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất.

- Về mặt thực tế: Mô tả và phân tích thực trạng tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên

- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành của sản phẩm tại công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên.

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu đề tài.**

- Đối tượng nghiên cứu: Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

- Phạm vi nghiên cứu: Số liệu năm 2010 của phòng kế toán tại công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên.

## **4. Phương pháp nghiên cứu.**

- Phương pháp chung: Bao gồm các phương pháp kế toán (phương pháp chứng từ, phương pháp tài khoản, phương pháp tính giá,...), các phương pháp phân tích kinh doanh (phương pháp so sánh, phương pháp liệt hệ), ngoài ra còn có phương pháp nghiên cứu tài liệu.

- Phương pháp cụ thể: Kết hợp giữa mô tả, giải thích với bảng biểu và sơ đồ.

## **5. Kết cấu của khoá luận.**

Ngoài phần mở đầu và kết luận, khoá luận tốt nghiệp gồm 3 chương nội dung sau:

- Chương 1: Lý luận chung về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất.

- Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên.

- Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên.

## CHƯƠNG 1

# LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

### 1.1. Bản chất và nội dung kinh tế của chi phí sản xuất

Sự phát sinh và phát triển xã hội loài người gắn liền với quá trình sản xuất. Nền sản xuất của bất kỳ phương thức sản xuất nào cũng gắn liền với sự vận động và tiêu hao các yếu tố cơ bản tạo nên quá trình sản xuất. Trong doanh nghiệp sản xuất là nơi trực tiếp tiến hành các hoạt động sản xuất ra của cải vật chất để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của xã hội. Như vậy có thể nói bất kỳ một hoạt động sản xuất nào cũng đều phải có sự kết hợp ba yếu tố cơ bản đó là:

- Tư liệu lao động: Nhà xưởng, máy móc, thiết bị và các tài sản cố định khác
- Đối tượng lao động: Nguyên nhiên vật liệu
- Sức lao động của con người

Các yếu tố đó chính là các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để sản xuất ra những lượng sản phẩm vật chất tương ứng. Nhất là trong nền kinh tế thị trường sự hạch toán kinh doanh cũng như các quan hệ trao đổi đều được tiền tệ hóa. Như vậy, các chi phí sản xuất mà doanh nghiệp chi ra luôn được tính toán và được đo lường bằng tiền và gắn với một thời gian xác định như (tháng, quý, năm...). Các chi phí đó bao gồm: hao phí lao động sống là hao phí trong việc sử dụng lao động như tiền lương, tiền công, lao động vật hóa là những lao động quá khứ đã được tích lũy trong các yếu tố vật chất được sử dụng để sản xuất như chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí nguyên liệu, vật liệu.

Như vậy, chi phí sản xuất là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các hao phí về lao động sống và lao động vật hóa mà doanh nghiệp đã bỏ ra có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong một thời kỳ nhất định (tháng, quý, năm...) chi phí sản xuất phát sinh thường xuyên trong suốt quá trình tồn tại và hoạt động

của doanh nghiệp. Nhưng việc tập hợp chi phí và tính chi phí phải phù hợp với từng thời kỳ hàng tháng, hàng quý, hàng năm. Chỉ những chi phí sản xuất mà doanh nghiệp phải bỏ ra trong kỳ mới được tính vào chi phí sản xuất trong kỳ. Khi xem xét về bản chất của chi phí trong doanh nghiệp, cần xác định rõ các mặt sau:

Chi phí của doanh nghiệp phải được đo lường và tính toán bằng tiền trong một khoảng thời gian xác định.

Độ lớn của chi phí phụ thuộc vào 2 nhân tố chủ yếu: khối lượng các yếu tố sản xuất đã tiêu hao trong kỳ và giá cả của một đơn vị yếu tố sản xuất đã hao phí

## **1.2. Bản chất và chức năng của giá thành sản phẩm**

Giá thành sản phẩm là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hóa liên quan đến khối lượng công việc, sản phẩm lao vụ đã hoàn thành.

Giá thành sản phẩm là chỉ tiêu tổng hợp nhất phản ánh đầy đủ hao phí của tất cả các mặt. Giá thành biểu hiện trình độ, quy mô, tổ chức, tính hiện đại hay lạc hậu về mặt kỹ thuật của nền sản xuất, là chỉ tiêu cơ bản để lập kế hoạch sản xuất sản phẩm. Sự vận động của quá trình sản xuất trong doanh nghiệp sản xuất bao gồm hai mặt đối lập nhau: một mặt là các chi phí doanh nghiệp đã chi ra, một mặt là kết quả sản xuất thu được.

Những sản phẩm, công việc, lao vụ nhất định đã hoàn thành đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng của xã hội cần được tính giá thành hay nói cách khác cần phải tính những chi phí đã bỏ ra để sản xuất chúng.

Giá thành sản phẩm là một chỉ tiêu kinh tế tổng hợp phản ánh kết quả sử dụng tài sản vật tư, lao động, tiền vốn trong quá trình sản xuất cũng như tính đúng đắn của các giải pháp tổ chức, kinh tế, kỹ thuật. Những chi phí đưa vào giá thành sản phẩm phản ánh được giá trị thực của các tư liệu sản xuất tiêu dùng cho sản xuất và các khoản chi tiêu khác có liên quan tới việc bù đắp gián đơn hao phí lao động sống. Kết quả thu được là sản phẩm, công việc lao vụ đã hoàn thành đánh giá được mức độ bù đắp chi phí và hiệu quả của chi phí.

★) *Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm*

Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm là hai mặt của quá trình sản xuất kinh doanh có mối quan hệ với nhau và giống nhau về chất. Chúng đều là biểu hiện bằng tiền của các hao phí về lao động sống và lao động vật hóa của doanh nghiệp. Tuy vậy, chúng vẫn có sự khác nhau trên các phương diện sau:

-Về mặt phạm vi: Chi phí sản xuất không tính đến chi phí liên quan đến số lượng sản phẩm đã hoàn thành hay chưa. Còn giá thành sản phẩm giới hạn số chi phí sản xuất liên quan để khối lượng sản phẩm, dịch vụ đã hoàn thành.

-Về mặt lượng: Nói đến chi phí sản xuất là xét đến các hao phí trong một thời kỳ còn giá thành sản phẩm liên quan đến chi phí của cả kỳ trước chuyển sang và số chi phí kỳ này chuyển sang kỳ sau. Sự khác nhau về mặt lượng và mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm thể hiện ở công thức tính giá thành sản phẩm tổng quát sau:

$$\text{Giá thành sản phẩm} = \frac{\text{Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ}}{\text{Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ}} + \frac{\text{Tổng chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ}}{\text{Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ}}$$

Như vậy, chi phí sản xuất là cơ sở để xây dựng giá thành sản phẩm còn giá thành là cơ sở để xây dựng giá bán. Trong điều kiện nếu giá bán không thay đổi thì sự tiết kiệm hoặc lãng phí của doanh nghiệp về chi phí sản xuất có ảnh hưởng trực tiếp đến giá thành từ đó sẽ tác động tới lợi nhuận của doanh nghiệp. Do đó tiết kiệm chi phí, hạ thấp giá thành là nhiệm vụ quan trọng và thường xuyên của công tác quản lý kinh tế. Nó giúp cho doanh nghiệp cạnh tranh có hiệu quả trên thị trường.

**1.3. Phân loại chi phí sản xuất**

Chi phí sản xuất có nhiều loại, nhiều khoản khác nhau cả về nội dung, tính chất, công dụng, mục đích, vai trò. Trong quá trình sản xuất kinh doanh, để thuận lợi cho quá trình quản lý hạch toán cũng như nhằm sử dụng tiết kiệm, hợp lý chi phí thì cần thiết phải tiến hành phân loại chi phí. Xuất phát từ các mục đích, yêu cầu khác nhau của quản lý thì chi phí sản xuất được phân loại theo các tiêu thức khác nhau. Trên cơ sở đó để tiến hành và tổ chức tốt công tác kế toán. Kế toán tiến hành lựa chọn một trong những tiêu thức phân loại chủ yếu sau:

### **1.3.1. Phân loại theo yếu tố chi phí ( nội dung kinh tế của chi phí)**

- Căn cứ vào tính chất kinh tế của các chi phí sản xuất khác nhau, để chia ra các yếu tố chi phí, mỗi yếu tố chi phí bao gồm những chi phí có cùng nội dung kinh tế ban đầu đồng nhất mà không phân biệt công dụng cụ thể, địa điểm phát sinh chi phí. Theo sự phân chia như vậy thì toàn bộ chi phí được chia thành các yếu tố chi phí sau:

+ Chi phí nguyên liệu, vật liệu: Bao gồm toàn bộ giá trị nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, phụ tùng thay thế, chi phí nhiên liệu và chi phí nguyên liệu khác sử dụng vào sản xuất.

+ Chi phí nhân công: Yếu tố này bao gồm các khoản chi phí về tiền lương phải trả cho người lao động, các khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn theo tiền lương của lao động.

+ Chi phí khấu hao tài sản cố định(TSCĐ): Yếu tố chi phí này bao gồm khấu hao của tất cả TSCĐ dùng vào hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp.

+ Chi phí dịch vụ mua ngoài: Phản ánh toàn bộ chi phí dịch vụ mua ngoài dùng vào sản xuất của doanh nghiệp.

+ Chi phí khác bằng tiền: Phản ánh toàn bộ chi phí khác bằng tiền chưa phản ánh ở các yếu tố trên dùng vào hoạt động sản xuất của doanh nghiệp trong kỳ.

- Cách phân loại chi phí theo yếu tố có tác dụng quan trọng đối với việc quản lý chi phí của lĩnh vực sản xuất cho thấy hiểu rõ cơ cấu, tỷ trọng từng yếu tố chi phí là cơ sở để phân tích đánh giá tình hình thực hiện dự toán chi phí sản xuất. Đó cũng là căn cứ để tập hợp và lập báo cáo chi phí sản xuất theo yếu tố cung cấp cho quản trị doanh nghiệp.

### **1.3.2 Phân loại theo khoản mục chi phí trong giá thành sản phẩm**

- Theo tiêu thức này chi phí sản xuất được chia theo khoản mục với cách phân loại này những chi phí có cùng công dụng kinh tế và phân bổ chi phí cho từng đối tượng thì được sắp vào một khoản mục không phân biệt tính chất kinh tế của nó.

- Theo sự phân chia như vậy thì chi phí sản xuất được chia thành các khoản mục chi phí sau:

+ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Phản ánh toàn bộ chi phí về nguyên vật liệu chính, phụ, nhiên liệu... tham gia trực tiếp vào việc sản xuất chế tạo sản phẩm hay thực hiện lao vụ, dịch vụ. Không tính vào khoản mục này chi phí nguyên, nhiên vật liệu dùng cho mục đích phục vụ sản xuất chung hay những hoạt động ngoài lĩnh vực sản xuất.

+ Chi phí nhân công trực tiếp: Bao gồm tiền lương, phụ cấp lương và các khoản trích cho các quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn theo tỷ lệ với tiền lương phát sinh, tham gia trực tiếp vào việc sản xuất, chế tạo sản phẩm. Không tính vào khoản mục này các khoản tiền lương, phụ cấp và các khoản trích tiền lương của nhân viên quản lý, phục vụ phân xưởng, bán hàng và quản lý doanh nghiệp.

+ Chi phí sản xuất chung: là những chi phí phát sinh trong phạm vi phân xưởng sản xuất ( trừ chi phí nguyên liệu trực tiếp và chi phí nhân công trực tiếp)

- Phân loại chi phí sản xuất theo tiêu chí này có tác dụng phục vụ cho việc quản lý chi phí theo định mức là cơ sở cho kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo khoản mục là căn cứ để phân tích tình hình thực hiện kế hoạch giá thành và định mức chi phí cho kỳ sau.

### ***1.3.3. Phân loại chi phí sản xuất theo mối quan hệ với khối lượng sản phẩm sản xuất trong kỳ ( theo cách ứng xử của chi phí)***

- Theo cách phân loại này, chi phí sản xuất bao gồm:

+ Chi phí biến đổi( biến phí): Là những chi phí có quan hệ tỷ lệ thuận với biến động về mức độ hoạt động( khối lượng sản xuất trong kỳ).

+ Chi phí cố định( định phí): Là những khoản chi phí không đổi trong phạm vi phù hợp khi mức độ hoạt động thay đổi

+ Chi phí hỗn hợp: Là những khoản chi phí mà bản thân nó gồm cả yếu tố biến phí lẫn định phí.

- Phân loại chi phí theo cách ứng xử có tác dụng lớn đối với công tác

quản trị phục vụ cho việc ra quyết định quản lý cần thiết, giúp doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả trên thị trường.

#### **1.4. Phân loại giá thành sản phẩm**

Phân loại giá thành giúp cho kế toán nghiên cứu và quản lý, hạch toán tốt giá thành sản phẩm và cũng đáp ứng tốt yêu cầu xây dựng giá cả sản phẩm. Dựa vào tiêu thức khác nhau và xét dưới nhiều góc độ mà người ta phân chia thành các loại khác nhau.

##### **1.4.1. Phân loại giá thành xét theo thời điểm tính giá thành**

- Theo cách phân loại này, giá thành chia làm 3 loại như sau:
  - + Giá thành kế hoạch: là giá thành sản phẩm được tính trên cơ sở chi phí sản xuất kế hoạch và sản lượng kế hoạch. Giá thành kế hoạch được xác định trước khi bước vào sản xuất trên cơ sở giá thành thực tế kỳ trước và các định mức, các dự toán chi phí của kế hoạch. Giá thành kế hoạch là giá thành mà các doanh nghiệp lấy nó làm mục tiêu phấn đấu, nó là căn cứ để so sánh phân tích đánh giá tình hình thực hiện hạ giá thành sản phẩm của doanh nghiệp.
  - + Giá thành định mức: Là giá thành sản phẩm được tính trên cơ sở các định mức chi phí hiện hành tại từng thời điểm nhất định trong kỳ kế hoạch và chỉ tính cho đơn vị sản phẩm. Giá thành định mức cũng được xác định trước khi bắt đầu sản xuất sản phẩm và là công cụ quản lý định mức của doanh nghiệp là thước đo chính xác để xác định kết quả sử dụng vật tư, tài sản lao động trong sản xuất. Giá thành định mức luôn thay đổi phù hợp với sự thay đổi của các định mức chi phí trong quá trình sản xuất. Giá thành định mức giúp cho việc đánh giá tính đúng đắn của các giải pháp kinh tế, kỹ thuật mà doanh nghiệp đã áp dụng trong sản xuất nhằm đem lại hiệu quả kinh tế cao.
  - + Giá thành thực tế: Là giá thành sản phẩm được tính trên cơ sở số liệu chi phí thực tế phát sinh tổng hợp trong kỳ và sản lượng sản phẩm đã sản xuất trong kỳ, sau khi đã hoàn thành việc sản xuất sản phẩm dịch vụ và được tính toán cho cả chỉ tiêu tổng giá thành và giá thành đơn vị thực tế, là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp phản ánh kết quả phấn đấu của doanh nghiệp, đánh giá tình hình tiết



kiệm chi phí, hạ thấp giá thành là cơ sở để xác định kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

#### **1.4.2. Phân loại theo phạm vi phát sinh chi phí**

- Theo cách phân loại này, giá thành chia làm 2 loại như sau:

+ Giá thành sản xuất: Là giá thành sản xuất của sản phẩm bao gồm các chi phí sản xuất phát sinh liên quan đến việc sản xuất chế tạo sản phẩm trong phạm vi phân xưởng, bộ phận sản xuất như chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung tính cho sản phẩm, dịch vụ hoàn thành.

+ Giá thành toàn bộ: Là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc sản xuất, tiêu thụ sản phẩm. Do vậy giá thành toàn bộ được tính theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thành toàn bộ của} & & \text{Giá thành sản xuất của} & & \text{Chi phí bán} & & \text{Chi phí quản lý} \\ \text{sản phẩm tiêu thụ} & = & \text{sản phẩm tiêu thụ} & + & \text{hàng} & + & \text{doanh nghiệp} \end{array}$$

Giá thành toàn bộ chỉ được xác định khi sản phẩm được tiêu thụ. Giá thành toàn bộ là căn cứ để xác định mức lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp.

### **1.5. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất, đối tượng tính giá thành sản phẩm và kỳ tính giá thành sản phẩm**

#### **1.5.1. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất**

- Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là xác định giới hạn tập hợp chi phí mà thực chất là xác định nơi phát sinh chi phí và đối tượng chịu chi phí.

+ Nơi phát sinh chi phí như: các bộ phận sản xuất, các giai đoạn công nghệ

+ Đối tượng chịu chi phí: nhóm sản phẩm, sản phẩm, chi tiết sản phẩm, đơn đặt hàng...

- Tùy thuộc vào quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm, yêu cầu công tác tính giá thành mà đối tượng hạch toán chi phí có tác dụng phục vụ cho việc tăng cường quản lý chi phí sản xuất và phục vụ cho công tác tính giá thành sản phẩm được kịp thời, đúng đắn.

- Việc xác định đúng đối tượng hạch toán chi phí sản xuất trong doanh nghiệp phải dựa vào các cơ sở sau:

- + Dựa vào đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất
  - ◆ Đối với doanh nghiệp có quy trình công nghệ sản xuất giản đơn không chia thành các giai đoạn cụ thể rõ rệt thì đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là toàn bộ quy trình sản xuất.
  - ◆ Đối với doanh nghiệp có quy trình công nghệ phức tạp thì đối tượng hạch toán chi phí sản xuất có thể là từng phân xưởng, giai đoạn chế biến...
- + Dựa vào loại hình sản xuất của doanh nghiệp
  - ◆ Loại hình sản xuất đơn chiếc và sản xuất hàng loạt nhỏ thì đối tượng hạch toán chi phí có thể là các sản phẩm, nhóm sản phẩm, chi tiết, nhóm chi tiết, giai đoạn công nghệ...
  - ◆ Loại hình sản xuất đồng loạt với khối lượng lớn: Phụ thuộc vào quy trình công nghệ sản xuất và đối tượng hạch toán chi phí sản xuất có thể là sản phẩm, nhóm sản phẩm, chi tiết, nhóm chi tiết, giai đoạn công nghệ...
- + Dựa vào yêu cầu và trình độ quản lý tổ chức sản xuất kinh doanh
  - ◆ Theo yêu cầu và trình độ quản lý: Nếu yêu cầu quản lý ngày càng cao, trình độ và khả năng của nhân viên quản lý càng tốt thì đối tượng tập hợp chi phí sản xuất ngày càng chi tiết và ngược lại.
  - ◆ Theo cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp: Nếu doanh nghiệp tổ chức theo kiểu phân xưởng thì đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là theo phân xưởng còn lại thì đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là toàn bộ doanh nghiệp.
- Việc xác định đúng đối tượng hạch toán chi phí và phù hợp với đặc điểm của đơn vị và yêu cầu quản lý có ý nghĩa rất lớn trong việc tổ chức công tác hạch toán chi phí sản xuất. Từ việc tổ chức công tác hạch toán ban đầu đến tổng hợp số liệu ghi chép trên tài khoản, sổ chi tiết...

### **1.5.2. Đối tượng tính giá thành sản phẩm**

- Đối tượng tính giá thành là sản phẩm, bán thành phẩm, công việc, lao vụ nhất định. Đối tượng đó có thể là sản phẩm cuối cùng của quá trình sản xuất đang trên dây chuyền sản xuất.

- Khi tính giá thành sản phẩm, dịch vụ, lao vụ phải căn cứ vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh loại sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp sản xuất mà thực hiện xác định đối tượng tính giá thành cho phù hợp với thực tế của doanh nghiệp. Nếu doanh nghiệp sản xuất có tính đơn chiếc thì đối tượng tính giá thành là từng sản phẩm, dịch vụ hoàn thành. Nếu sản xuất chế tạo hàng loạt thì đối tượng tính giá thành là từng loại sản phẩm hoặc hoạt động dịch vụ đã hoàn thành.

- Mặt khác, khi xác định đối tượng tính giá thành còn phải căn cứ vào quy trình công nghệ sản xuất của doanh nghiệp. Nếu quy trình sản xuất giản đơn thì đối tượng tính giá thành là loại sản phẩm hoàn thành ở cuối quy trình công nghệ. Nếu quy trình sản xuất phức tạp, liên tục thì đối tượng tính giá thành có thể là bán thành phẩm ở từng giai đoạn và thành phẩm ở giai đoạn cuối cùng đã hoàn thành.

- Xác định đối tượng tính giá thành đúng, phù hợp với điều kiện, đặc điểm sản xuất của doanh nghiệp giúp kế toán mở sổ kế toán, các bảng tính giá và giá thành sản phẩm theo từng đối tượng cần quản lý và kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch giá thành sản phẩm có hiệu quả.

- Mỗi quan hệ giữa đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành:

+ Đối tượng tập hợp chi phí và đối tượng tính giá thành có mối quan hệ mật thiết với nhau. Việc xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là điều kiện tiền đề để tính giá thành theo các đối tượng tính giá thành trong doanh nghiệp.

+ Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành giống nhau ở bản chất đều là những phạm vi và giới hạn mà chi phí sản xuất phát sinh đã được tập hợp và tính toán. Cụ thể:

◆ Đối tượng tập hợp chi phí có thể là nơi phát sinh chi phí hoặc là đối tượng chịu chi phí còn đối tượng tính giá thành chỉ là đối tượng chịu chi phí.

◆ Khi quy trình sản xuất sản phẩm dạng đơn thì đối tượng tập hợp chi phí và đối tượng tính giá thành là một. Trong kỳ sản xuất, nếu không có chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ và cuối kỳ thì toàn bộ chi phí sản xuất tập hợp trong kỳ

cũng chính là giá thành sản phẩm.

◆ Khi quy trình công nghệ sản xuất ra nhiều loại sản phẩm hoặc sản xuất ra một loại sản phẩm nhưng lại có quy cách và phẩm chất khác nhau thì đối tượng kế toán chi phí sản xuất bao gồm nhiều đối tượng tính giá thành.

◆ Khi quy trình công nghệ sản xuất ra một loại sản phẩm nhưng phải trải qua nhiều công đoạn chế tạo gia công liên tục thì một đối tượng tính giá thành lại bao gồm nhiều đối tượng tập hợp chi phí sản xuất ở mỗi công đoạn chế tạo.

### **1.5.3. Kỳ tính giá thành sản phẩm**

- Kỳ tính giá thành là thời kỳ mà bộ phận kế toán phải tiến hành công việc tính giá thành cho các đối tượng tính giá thành. Việc xác định kỳ tính giá thành một cách hợp lý sẽ giúp cho việc tổ chức công tác tính giá thành sản phẩm được khoa học, hợp lý, kịp thời.

- Dựa vào đặc điểm sản xuất- chu kỳ sản xuất, sản xuất theo đơn đặt hàng hàng loạt... và yêu cầu quản lý mà kỳ tính giá thành là tháng, quý, năm hay khi hoàn thành đơn đặt hàng.

- Trong trường hợp doanh nghiệp tiến hành sản xuất sản phẩm với chu kỳ ngắn, xen kẽ, liên tục thì kỳ tính giá thành phù hợp là tháng và vào thời điểm cuối tháng.

- Trong trường hợp doanh nghiệp tiến hành sản xuất đơn chiếc hoặc sản xuất hàng loạt theo đơn đặt hàng, chu kỳ sản xuất kéo dài, sản phẩm chỉ hoàn thành khi kết thúc chu kỳ sản xuất thì kỳ tính giá thành thường là thời điểm mà sản phẩm hoặc loại sản phẩm đã hoàn thành( trong trường hợp này kỳ tính giá thành không phục hợp với kỳ báo cáo)

### **1.6. Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất**

Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất là một phương pháp hay hệ thống các phương pháp được sử dụng để tập hợp và phân loại các chi phí sản xuất trong phạm vi giới hạn của đối tượng hạch toán chi phí.

Tùy theo từng loại chi phí và điều kiện cụ thể, kế toán có thể vận dụng các phương pháp hạch toán tập hợp chi phí thích hợp

Có hai phương pháp tập hợp chi phí sản xuất mà các doanh nghiệp thường áp dụng.

**1.6.1. Phương pháp tập hợp trực tiếp:**

- Áp dụng trong trường hợp chi phí sản xuất phát sinh có liên quan trực tiếp đến từng đối tượng kế toán chi phí sản xuất riêng biệt. Do đó có thể căn cứ vào chứng từ ban đầu để hạch toán trực tiếp cho từng đối tượng riêng biệt.

Đây là phương pháp tập hợp trực tiếp cho từng đối tượng chịu chi phí nên đảm bảo độ chính xác cao, nó cũng có ý nghĩa lớn đối với kế toán quản trị doanh nghiệp.

Thông thường chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp thường áp dụng phương pháp này.

**1.6.2. Phương pháp phân bổ gián tiếp:**

Áp dụng trong trường hợp chi phí sản xuất phát sinh có liên quan đến nhiều đối tượng kế toán chi phí, không tổ chức ghi chép ban đầu riêng cho từng đối tượng được. Trong trường hợp đó phải tập hợp chung cho nhiều đối tượng sau đó lựa chọn tiêu thức phân bổ thích hợp để phân bổ khoản chi phí này cho từng đối tượng kế toán chi phí.

- Xác định hệ số phân bổ

$$\text{Hệ số phân bổ} = \frac{\text{Tổng chi phí cần phân bổ}}{\text{Tổng các tiêu thức dùng để phân bổ}}$$

- Xác định chi phí phân bổ cho từng đối tượng

$$C_i = T_i \times H$$

Trong đó:

- ◆  $C_i$ : Là chi phí phân bổ cho đối tượng  $i$
- ◆  $T_i$ : là tiêu thức phân bổ cho đối tượng  $i$
- ◆  $H$ : hệ số phân bổ

- Tiêu thức phân bổ hợp lý giữ vai trò quan trọng trong khi tập hợp chi phí gián tiếp. Bởi vậy, việc lựa chọn tiêu thức phân bổ phải tùy thuộc vào loại chi phí sản xuất và các điều kiện cho phép khác nhau: định mức tiêu hao nguyên

vật liệu, sản lượng sản xuất được. Lựa chọn tiêu thức hợp lý là cơ sở để tập hợp chi phí chính xác cho các đối tượng tính giá thành có liên quan.

## 1.7. Phương pháp tính giá thành sản phẩm

### 1.7.1. Tính giá thành theo phương pháp trực tiếp (giản đơn)

- Phương pháp này được áp dụng trong các doanh nghiệp thuộc loại hình sản xuất giản đơn, số lượng mặt hàng ít, sản xuất với khối lượng lớn và chu kỳ sản xuất ngắn như các nhà máy điện, nước các doanh nghiệp khai thác( quặng, than...)

- Giá thành sản phẩm được tính bằng cách trực tiếp lấy tổng số chi phí sản xuất(+) hoặc(-) số chênh lệch giữa giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ so với cuối kỳ chia cho số lượng sản phẩm hoàn thành được thể hiện theo công thức dưới đây:

$$\Sigma Z = Dđk + Cps - Dck$$

$$Z_{\text{đơn vị}} = \frac{Z}{Qht}$$

Trong đó:

- ◆ Dck, Ddk: chi phí sản phẩm dở dang đầu kỳ và cuối kỳ
- ◆ Cps: Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ
- ◆  $\Sigma Z, Z_{\text{đơn vị}}$ : Tổng giá thành và giá thành đơn vị
- ◆ Qht: Số lượng sản phẩm hoàn thành

### 1.7.2. Tính giá thành theo phương pháp tổng cộng chi phí

Phương pháp này được áp dụng với các doanh nghiệp mà quá trình sản xuất gòn nhiều giai đoạn công nghệ như trong các doanh nghiệp khai thác, dệt, nhuộm, cơ khí chế tạo máy, may mặc...

Giá thành sản phẩm được xác định bằng cách cộng chi phí sản xuất của các bộ phận chi tiết sản phẩm hay tổng chi phí sản xuất của các giai đoạn, bộ phận sản xuất tạo nên thành phẩm.

$$\Sigma \text{Giá thành sản phẩm} = Z_1 + Z_2 + Z_3 + \dots + Z_n$$

Trong đó:  $Z_1 + Z_2 + Z_3 + \dots + Z_n$  là giá thành hay tổng chi phí sản xuất của giai đoạn hoặc bộ phận 1,2,3,...,n.

### 1.7.3. Tính giá thành theo phương pháp hệ số

Phương pháp này được áp dụng trong những doanh nghiệp mà trong cùng một quá trình sản xuất cùng sử dụng một thứ nguyên liệu và một lượng lao động nhưng thu được đồng thời nhiều loại sản phẩm khác nhau. Vì vậy, chi phí không hạch toán riêng cho từng loại sản phẩm được mà phải hạch toán chung cho cả quá trình sản xuất.

Phương pháp này kế toán căn cứ vào hệ số quy đổi để quy các loại sản phẩm về sản phẩm gốc, từ đó dựa vào tổng chi phí liên quan đến giá thành các loại sản phẩm đã tập hợp để tính ra giá thành sản phẩm gốc và giá thành từng loại sản phẩm.

$$\text{Giá thành đơn vị sản phẩm gốc (Zoi)} = \frac{\text{Tổng sản giá thành sản xuất của các loại sản phẩm}}{\text{Tổng số sản phẩm gốc quy đổi (Qo)}}$$

$$\text{Giá thành đơn vị sản phẩm } i \text{ (Zi)} = \text{Giá thành đơn vị sản phẩm gốc (Zoi)} \times \text{Hệ số quy đổi sản phẩm } i \text{ (Hi)}$$

$$Q_o = \sum_{i=1}^n Q_i \times H_i$$

Trong đó:

- ◆  $Q_i$ : Số lượng sản phẩm thứ  $i$  chưa quy đổi
- ◆  $H_i$ : Hệ số quy đổi sản phẩm thứ  $i$

$$\begin{aligned} \text{Tổng giá thành sản xuất các loại sản phẩm} &= \text{Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ} + \text{Tổng chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ} - \text{Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ} \end{aligned}$$

### 1.7.4. Tính giá thành theo phương pháp tỷ lệ

Phương pháp này áp dụng trong các doanh nghiệp sản xuất nhiều loại sản phẩm có quy cách phẩm chất khác nhau như may mặc, dệt kim, đóng giày, cơ khí

chế tạo(dụng cụ, phụ tùng...). Để giảm bớt khối lượng hạch toán, kế toán thường tiến hành tập hợp chi phí sản xuất theo nhóm sản phẩm cùng loại. Căn cứ vào tỷ lệ chi phí giữa chi phí sản xuất thực tế với chi phí sản xuất kế hoạch ( định mức) kế toán sẽ tính ra giá thành đơn vị và tổng giá thành sản phẩm từng loại.

$$\frac{\text{Giá thành thực tế đơn vị sản phẩm từng loại}}{\text{Giá thành kế hoạch hoặc định mức đơn vị sản phẩm từng loại}} = \text{Tỷ lệ chi phí}$$

$$\text{Tỷ lệ chi phí} = \frac{\text{Tổng giá thành thực tế của các loại sản phẩm}}{\Sigma \text{Giá thành kế hoạch (định mức) của các loại sản phẩm}}$$

### 1.7.5. Tính giá thành theo phương pháp loại trừ sản phẩm phụ

Phương pháp này được áp dụng trong các doanh nghiệp mà trong cùng một quá trình sản xuất, bên cạnh các sản phẩm chính thu được còn có thể thu được các sản phẩm phụ như các doanh nghiệp mía đường, bia. Để tính giá trị sản phẩm chính kế toán phải loại trừ giá trị sản phẩm phụ khỏi tổng chi phí sản xuất sản phẩm.

$$\begin{matrix} \text{Tổng giá thành sản phẩm chính} \\ \text{đang đầu kỳ} \end{matrix} = \begin{matrix} \text{Giá trị sản phẩm chính dở dang đầu kỳ} \\ \text{sinh trong kỳ} \end{matrix} + \begin{matrix} \text{Tổng chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ} \\ \text{thu hồi} \end{matrix} - \begin{matrix} \text{Giá trị sản phẩm phụ} \\ \text{đang cuối kỳ} \end{matrix} - \begin{matrix} \text{Giá trị sản phẩm chính dở dang cuối kỳ} \end{matrix}$$

### 1.7.6. Tính giá thành theo phương pháp đơn đặt hàng

Phương pháp này áp dụng trong trường hợp doanh nghiệp sản xuất theo đơn đặt hàng, kế toán tiến hành tập hợp chi phí theo từng đơn đặt hàng. Đối tượng tính giá thành sản phẩm là sản phẩm của từng đơn đặt hàng. Việc tính giá thành này chỉ được tiến hành khi đơn đặt hàng hoàn thành.

Đối với các chi phí trực tiếp như chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp phát sinh trong kỳ liên quan trực tiếp đến đơn đặt hàng nào thì hạch toán trực tiếp cho đơn đặt hàng đó theo chứng từ gốc phát sinh.

Đối với chi phí sản xuất chung liên quan đến nhiều đơn đặt hàng thì tập hợp riêng, sau đó phân bổ cho từng đơn đặt hàng theo tiêu thức phù hợp( tiền lương của công nhân sản xuất,giờ công sản xuất...). Cuối kỳ kế toán, nếu đơn đặt hàng chưa hoàn thành thì toàn bộ chi phí tập hợp được cho đơn đặt hàng đó



được coi là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ chuyển kỳ sau. Đối với đơn đặt hàng đã hoàn thành thì toàn bộ chi phí đã tập hợp được cho đơn đặt hàng đó là tổng giá thành sản phẩm hoàn thành.

#### **1.7.7. Tính giá thành theo phương pháp phân bước.**

Phương pháp này thường được áp dụng tại các doanh nghiệp có quy trình công nghệ phức tạp kiểu sản xuất liên tục, sản phẩm trải qua nhiều giai đoạn, nhiều bước nối tiếp nhau theo một trình tự nhất định, mỗi bước tạo ra một loại bán thành phẩm. Bán thành phẩm của bước này là đối tượng chế biến của bước tiếp theo, cứ như vậy cho đến bước cuối cùng để tạo ra thành phẩm hoàn chỉnh. Do vậy, tùy theo đặc điểm, tình hình cụ thể mà đối tượng tính giá thành trong các doanh nghiệp loại hình này có thể là thành phẩm ở giai đoạn công nghệ cuối cùng hoặc bán thành phẩm ở từng giai đoạn và thành phẩm ở giai đoạn cuối.

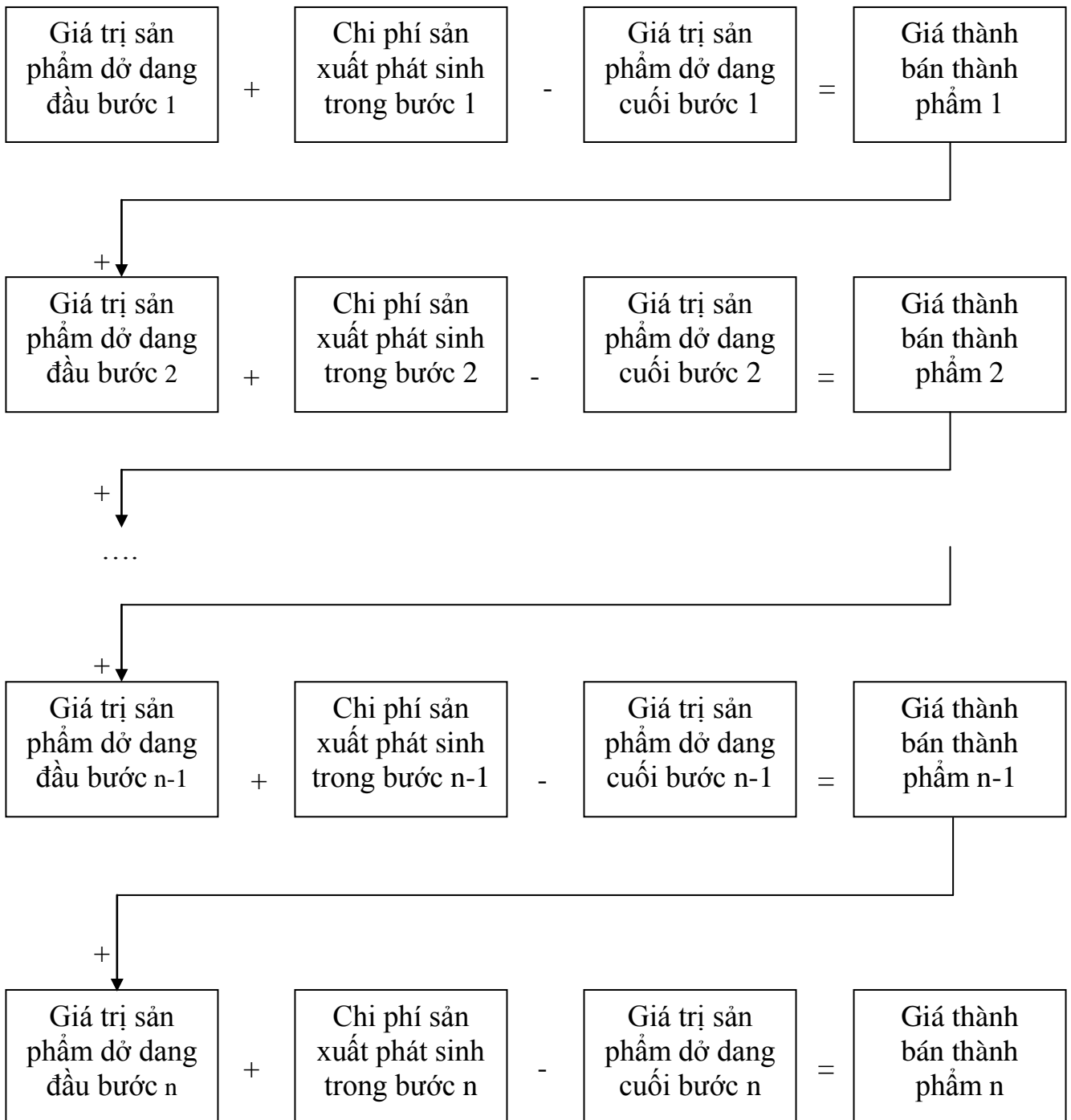
Khi thực hiện phương pháp phân bước thì đối tượng tập hợp chi phí sản xuất có thể là từng giai đoạn công nghệ hoặc từng phân xưởng sản xuất riêng biệt, tham gia vào quy trình tạo nên sản phẩm hoàn chỉnh. Đối tượng tính giá thành có thể là thành phẩm, cũng có thể là bán thành phẩm ở từng giai đoạn công nghệ. Chính vì sự khác nhau về đối tượng tính giá thành nên kế toán có thể lựa chọn một trong hai phương án sau:

★ **Phương án 1:** Tính giá thành theo phương pháp phân bước có tính giá thành bán thành phẩm (còn gọi là phương án kết chuyển tuần tự)

- Phương án này áp dụng cho doanh nghiệp có quy trình sản xuất mà mỗi giai đoạn có yêu cầu tính giá thành bán thành phẩm do bán thành phẩm có giá trị sử dụng độc lập có thể nhập kho đem bán hoặc tiếp tục chế biến. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là từng giai đoạn công nghệ.

- Đối tượng tính giá thành là bán thành phẩm của các giai đoạn công nghệ và sản phẩm hoàn thành. Việc kết chuyển chi phí từ giai đoạn trước sang giai đoạn sau được thực hiện tuần tự theo từng khoản mục chi phí. Sau đây là trình tự tính giá thành trong doanh nghiệp sản xuất sản phẩm phải qua n bước:

**Sơ đồ 1.1. Trình tự tính giá thành theo phương pháp phân bước có tính giá thành bán thành phẩm trong doanh nghiệp sản xuất sản phẩm phải qua n bước.**

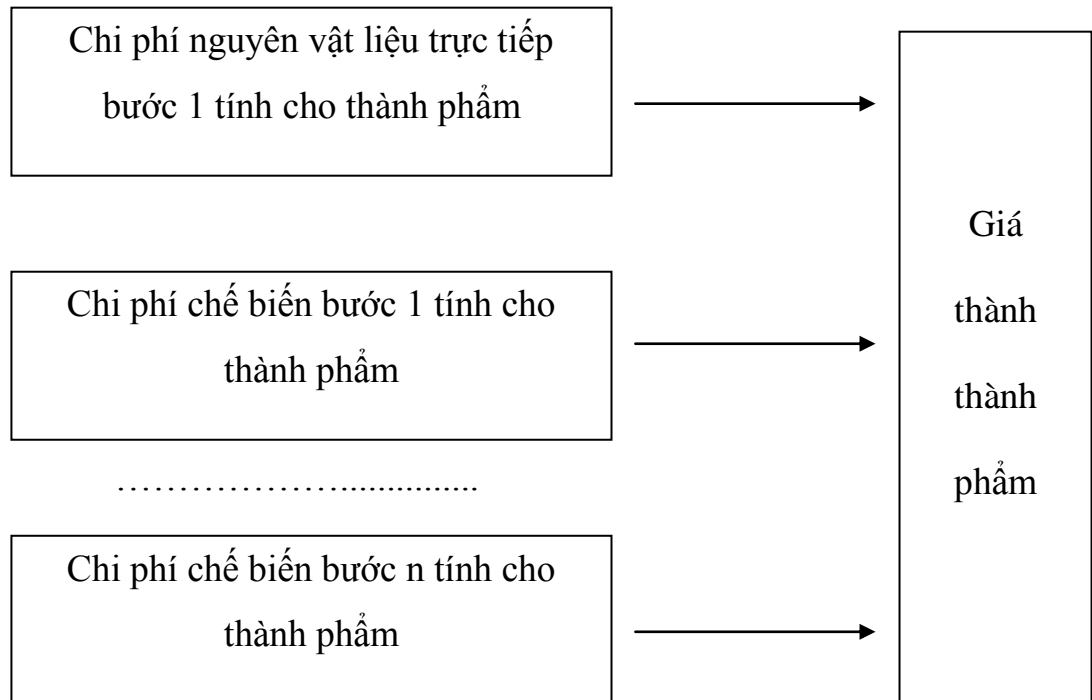


★ **Phương án 2:** Tính giá thành theo phương pháp phân bước không tính giá thành bán thành phẩm (còn gọi là phương án kết chuyển song song)

- Phương án này được áp dụng thích hợp đối với doanh nghiệp sản xuất kiểu phức tạp chế biến kiểu liên tục không tiêu thụ bán thành phẩm hoặc việc tiêu thụ

này có ý nghĩa không lớn. Việc tính giá thành sản phẩm bước cuối cùng được thể hiện qua sơ đồ sau:

**Sơ đồ 1.2. Trình tự tính giá thành theo phương pháp phân bước không tính giá thành bán thành phẩm**



**1.8. Đánh giá sản phẩm dở dang**

Sản phẩm dở dang là khối lượng sản phẩm công việc còn đang trong quá trình sản xuất gia công, chế biến đang nằm trong các giai đoạn của quy trình công nghệ hoặc đã hoàn thành một vài quy trình chế biến nhưng vẫn còn phải gia công chế biến mới trở thành sản phẩm

Đánh giá sản phẩm dở dang là xác định và tính toán phần chi phí sản xuất còn nằm trong phần sản phẩm dở dang cuối kỳ là một trong những yếu tố quyết định tính hợp lý của giá thành sản phẩm sản xuất sản phẩm hoàn thành trong kỳ. Các thông tin về sản phẩm dở dang không những ảnh hưởng đến giá trị hàng tồn kho trên bảng cân đối mà còn ảnh hưởng đến lợi nhuận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi thành phẩm xuất bán trong kỳ. Tùy theo đặc điểm tình hình cụ thể về tổ chức sản xuất, quy trình công nghệ, cơ cấu chi phí, yêu cầu trình độ quản lý

của từng doanh nghiệp mà vận dụng phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang thích hợp. Vì vậy, đánh giá sản phẩm dở dang có ý nghĩa rất quan trọng trong kế toán doanh nghiệp.

### 1.8.1. Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên liệu trực tiếp

Theo phương pháp này, kế toán giả định trong sản phẩm dở dang cuối kỳ chỉ có chi phí nguyên liệu trực tiếp mà không tính đến các chi phí sản xuất khác (như chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung). Kế toán xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ theo công thức:

$$\text{Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ} = \frac{\text{Giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí NVLTT phát sinh trong kỳ}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành} + \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ}} \times \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ}$$

### 1.8.2 Đánh giá sản phẩm dở dang theo sản lượng ước tính tương đương

Theo phương pháp này, kế toán dựa theo mức độ hoàn thành và số lượng sản phẩm dở dang để quy sản phẩm dở dang thành sản phẩm hoàn thành rồi từ đó xác định từng khoản mục chi phí nằm trong sản phẩm dở dang cuối kỳ. Tiêu chuẩn quy đổi thường căn cứ vào giờ công hoặc tiền lương định mức.

- Đối với chi phí bỏ hết một lần ngày từ đầu vào quy trình sản xuất (thường là chi phí nguyên vật liệu trực tiếp) được phân bổ đều 100% cho cả sản phẩm dở dang và sản phẩm hoàn thành.

$$\text{Chi phí NVLTT trong sản phẩm dở dang cuối kỳ} = \frac{\text{Chi phí NVL dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí NVL phát sinh trong kỳ}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành} + \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ}} \times \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ}$$

- Đối với chi phí bỏ dần vào quy trình sản xuất ( thường là chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung) được gọi là chi phí chế biến chi được phân bổ cho sản phẩm dở dang theo mức độ hoàn thành.

$$\begin{aligned}
 & \text{Chi phí chế biến} \\
 & \text{trong sản phẩm} \\
 & \text{dở dang cuối kỳ} \\
 & = \frac{\text{Chi phí chế biến dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí chế biến phát sinh trong kỳ}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành} + \text{Số lượng sản phẩm hoàn thành tương đương}} \times \text{Số lượng sản phẩm hoàn thành tương đương} \\
 & = \frac{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành tương đương}}{\text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ} + \text{Số lượng sản phẩm hoàn thành tương đương}} \times \text{Mức độ hoàn thành}
 \end{aligned}$$

Khi áp dụng phương pháp này kết quả tính toán giá trị sản phẩm dở dang mang tính chính xác cao. Tuy nhiên khối lượng tính toán lớn nên mất nhiều thời gian. Mặt khác, việc xác định mức độ chế biến hoàn thành của sản phẩm dở dang là một công việc phức tạp mang nặng tính chủ quan. Phương án này chỉ thích hợp với những doanh nghiệp mà sản phẩm của doanh nghiệp có tỷ trọng chi phí nguyên vật liệu trực tiếp trong tổng chi phí sản phẩm không quá lớn, khối lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ nhiều biến động lớn so với đầu kỳ.

### 1.8.3. Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ theo 50% chi phí chế biến.

Để đơn giản việc tính toán, đối với những sản phẩm mà chi phí chế biến chiếm tỷ lệ không nhỏ trong tổng chi phí, kế toán thường sử dụng phương pháp này. Thực chất phương pháp này là một dạng của phương pháp đánh giá dở dang theo sản lượng ước tính tương đương, trong đó chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung được giả định luôn hoàn thành 50%.

### 1.8.4. Đánh giá sản phẩm dở dang theo phương pháp định mức

Theo phương pháp này, kế toán căn cứ vào khối lượng sản phẩm dở dang, mức độ hoàn thành của sản phẩm dở dang ở từng công đoạn sản xuất và định mức từng khoản mục chi phí ở từng công đoạn sản xuất để tính ra giá trị từng

sản phẩm dở dang theo chi phí định mức.

$$\text{Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ} = \frac{\text{Chi phí sản xuất định mức đơn vị sản phẩm}}{\text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ}} \times \left( \text{Mức độ hoàn thành} \right)$$

Phương pháp này áp dụng thích hợp với doanh nghiệp đã xây dựng được hệ thống định mức và dự toán chi phí hoặc thực hiện phương pháp tính giá thành định mức.

## 1.9. Nội dung hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm

### 1.9.1 Hạch toán chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### 1.9.1.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Chi phí nguyên liệu trực tiếp là các chi phí về nguyên liệu chính, nửa thành phẩm mua ngoài, vật liệu phụ, nhiên liệu sử dụng trực tiếp cho việc sản xuất, chế tạo sản phẩm hoặc thực hiện các lao vụ, dịch vụ của doanh nghiệp.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp thường chiếm tỷ trọng lớn hơn trong tổng lượng chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm của doanh nghiệp. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp thường được quản lý theo các định mức chi phí do doanh nghiệp xây dựng.

Để kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, kế toán sử dụng TK621 – chi phí nguyên vật liệu trực tiếp. Kết cấu chủ yếu của TK này như sau:

+ Bên Nợ : Trị giá vốn nguyên liệu, vật liệu sử dụng trực tiếp cho sản xuất, chế tạo sản phẩm hoặc thực hiện lao vụ, dịch vụ trong kỳ.

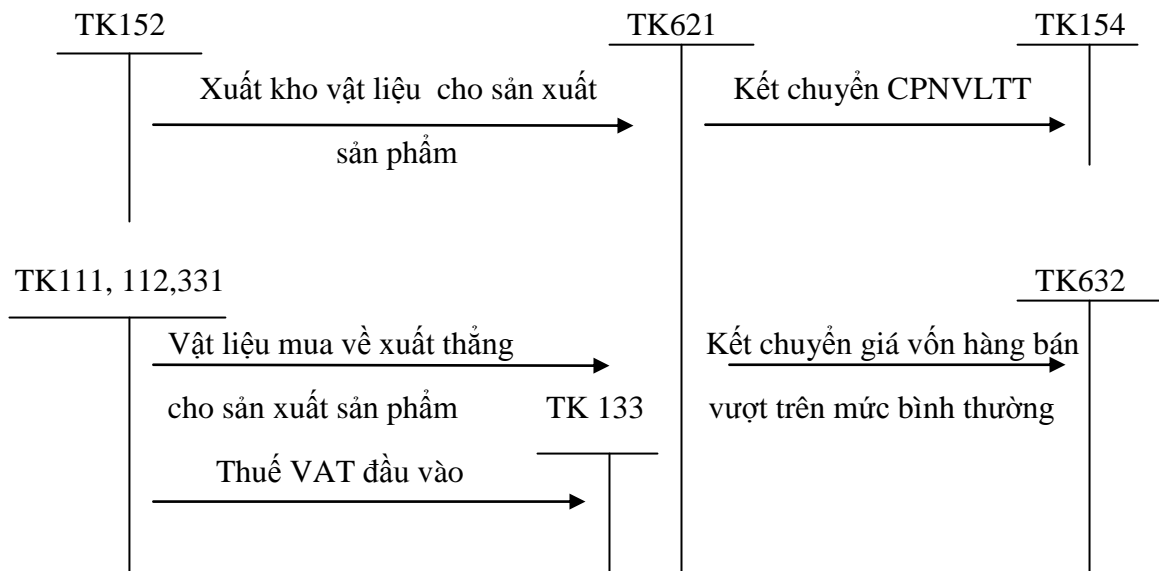
+ Bên Có: ♦ Trị giá vốn nguyên vật liệu sử dụng không hết nhập lại kho.

♦ Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp để tính giá thành sản phẩm

♦ Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp vượt trên mức bình thường

TK 621 không có số dư cuối kỳ và được mở chi tiết theo từng đối tượng tập hợp chi phí (phân xưởng, bộ phận sản xuất,...)

**Sơ đồ 1.3 : Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp**



**1.9.1.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp.**

Chi phí nhân công trực tiếp là khoản thù lao lao động phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm, trực tiếp thực hiện các lao vụ, dịch vụ như tiền lương chính, lương phụ và các khoản phụ cấp có tính chất lương (phụ cấp khu vực, độc hại, phụ cấp làm đêm, thêm giờ,...).

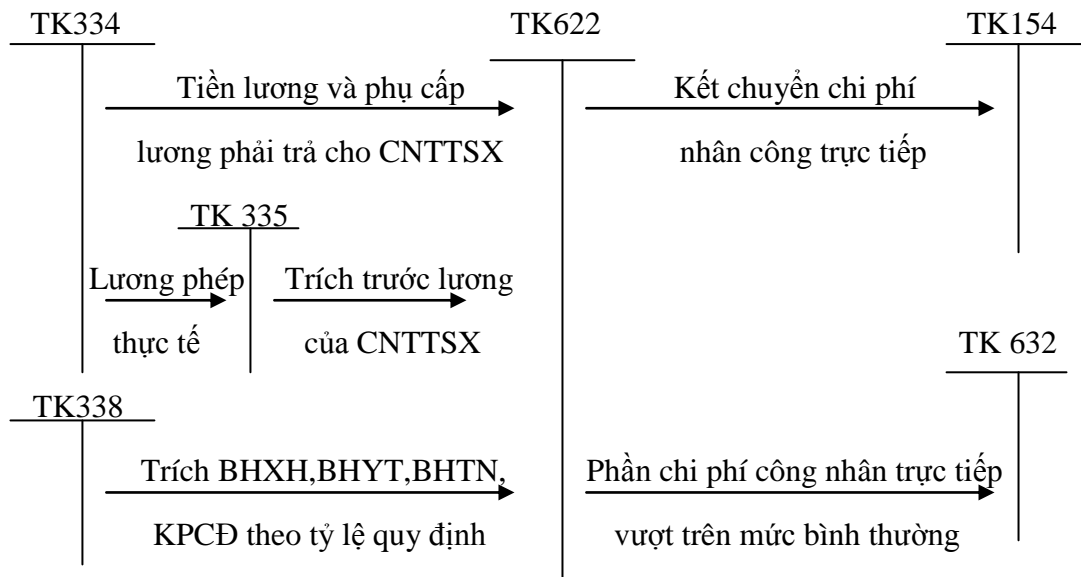
Ngoài ra, chi phí nhân công trực tiếp còn bao gồm các khoản đóng góp cho các quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn do chủ sử dụng lao động chịu và được tính vào chi phí treo một tỷ lệ nhất định với số tiền lương phát sinh của công nhân trực tiếp sản xuất.

Để theo dõi chi phí nhân công trực tiếp, kế toán sử dụng TK622 – Chi phí nhân công trực tiếp. Kết cấu của tài khoản này như sau:

- + Bên Nợ: Chi phí nhân công trực tiếp phát sinh.
- + Bên Có: Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp

Tài khoản 622 không có số dư cuối kỳ và được mở chi tiết theo từng đối tượng

**Sơ đồ 1.4. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp**



**1.9.1.3. Kế toán chi phí sản xuất chung**

Chi phí sản xuất chung là những khoản chi phí cần thiết khác phục vụ cho quá trình sản xuất phát sinh ở phân xưởng, bộ phận sản xuất.

Chi phí sản xuất chung được tổ chức tập hợp theo từng phân xưởng, đội sản xuất, quản lý chi tiết theo từng yếu tố chi phí. Mặt khác, chi phí sản xuất chung còn được tập hợp theo chi phí cố định và chi phí biến đổi. Cuối kỳ, sau khi đã tập hợp chi phí sản xuất theo từng phân xưởng, kế toán tập hợp chi phí sản xuất trong phân xưởng theo những tiêu chuẩn phân bổ hợp lý. Việc tính toán và xác định chi phí sản xuất chung tính vào chi phí chế biến sản phẩm còn phải căn cứ vào công suất hoạt động thực tế của máy móc, thiết bị.

Chi phí sản xuất cố định được phân bổ vào chi phí chế biến cho mỗi đơn vị sản xuất được dựa trên công suất bình thường của máy móc sản xuất

Chi phí sản xuất chung biến đổi được phân bổ hết trong kỳ theo chi phí thực tế

Kế toán sử dụng TK 627 – chi phí sản xuất chung để tập hợp và phân bổ chi phí sản xuất chung. Kết cấu của TK này như sau:



+ Bên Nợ: Tập hợp chi phí sản xuất chung phát sinh trong kỳ.

+ Bên Có: ♦ Các khoản ghi giảm chi phí sản xuất chung( Nếu có)

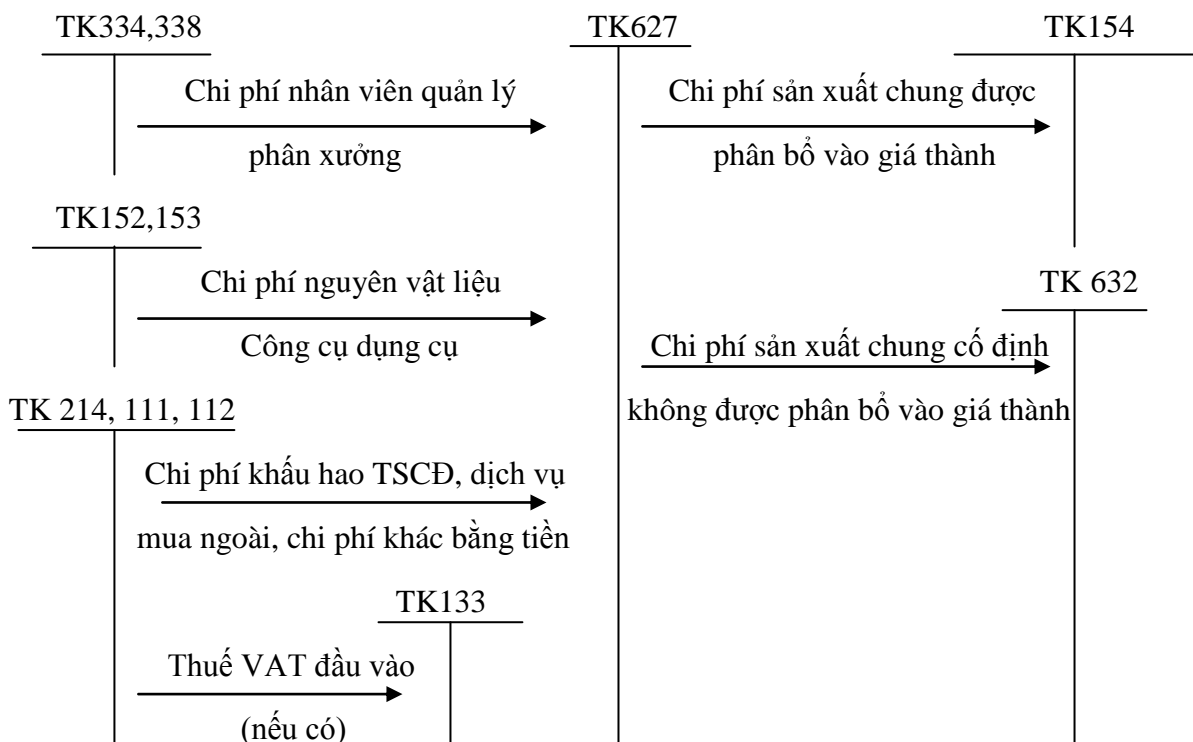
♦ Chi phí sản xuất chung được phân bổ, kết chuyển chi phí cho các đối tượng chịu chi phí.

♦ Chi phí sản xuất chung không được phân bổ, kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

TK 627 không có số dư cuối kỳ và được mở 6 tài khoản cấp 2 để tập hợp theo yếu tố chi phí.

- TK6271: Chi phí nhân viên phân xưởng
- TK6272: Chi phí vật liệu
- TK6273: Chi phí dụng cụ sản xuất
- TK6274: Chi phí khấu hao tài sản cố định
- TK6277: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK6278: Chi phí bằng tiền khác

### Sơ đồ 1.5: Kế toán chi phí sản xuất chung



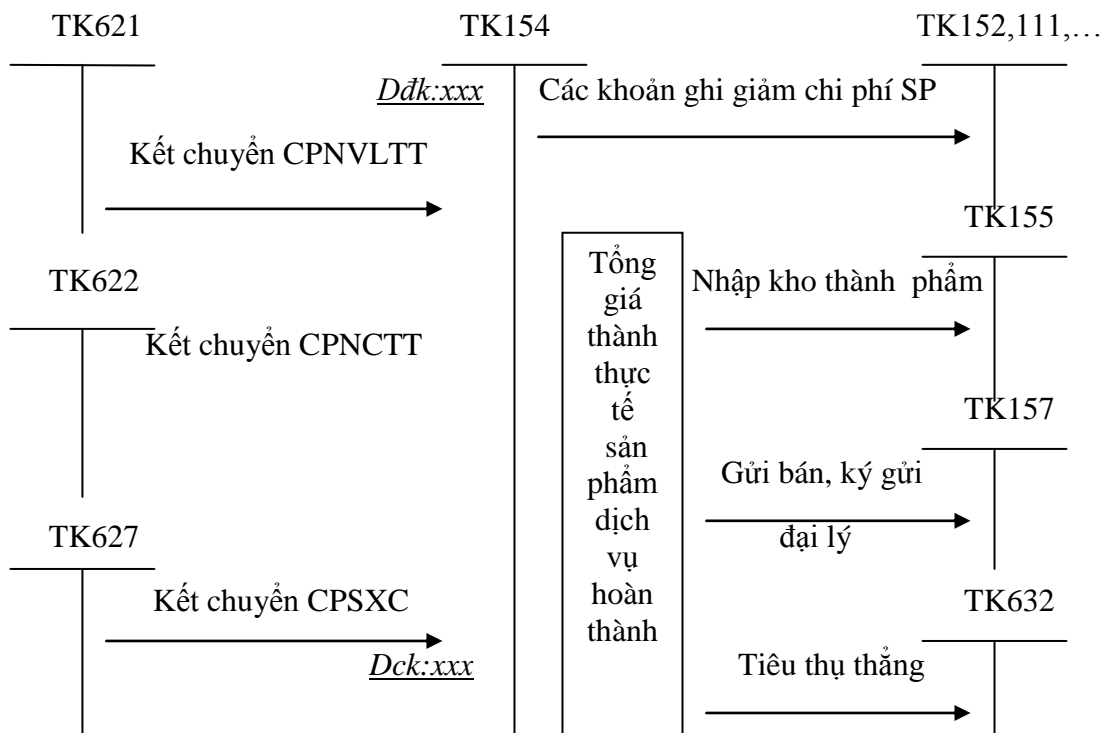
1.9.1.4. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất.

Để tổng hợp chi phí sản xuất, kế toán sử dụng tài khoản 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

Tài khoản 154 được mở chi tiết theo từng ngành sản xuất, từng nơi phát sinh chi phí hay từng loại sản phẩm, nhóm sản phẩm, chi tiết sản phẩm, từng loại lao vụ, dịch vụ,... của các bộ phận sản xuất – kinh doanh chính, sản xuất – kinh doanh phụ (kể cả thuê ngoài gia công, chế biến). Kết cấu của tài khoản này như sau:

- Bên Nợ: Tập hợp các chi phí sản xuất trong kỳ (chi phí nguyên, vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung).
- Bên Có: + Các khoản ghi giảm chi phí sản xuất.  
+ Tổng giá thành sản xuất thực tế hay chi phí thực tế của sản phẩm, dịch vụ hoàn thành.
- Dư Nợ: Chi phí thực tế của sản phẩm dở dang chưa hoàn thành

**Sơ đồ 1.6. Sơ đồ kế toán tổng hợp chi phí sản xuất**



**1.9.2. Hạch toán chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.**

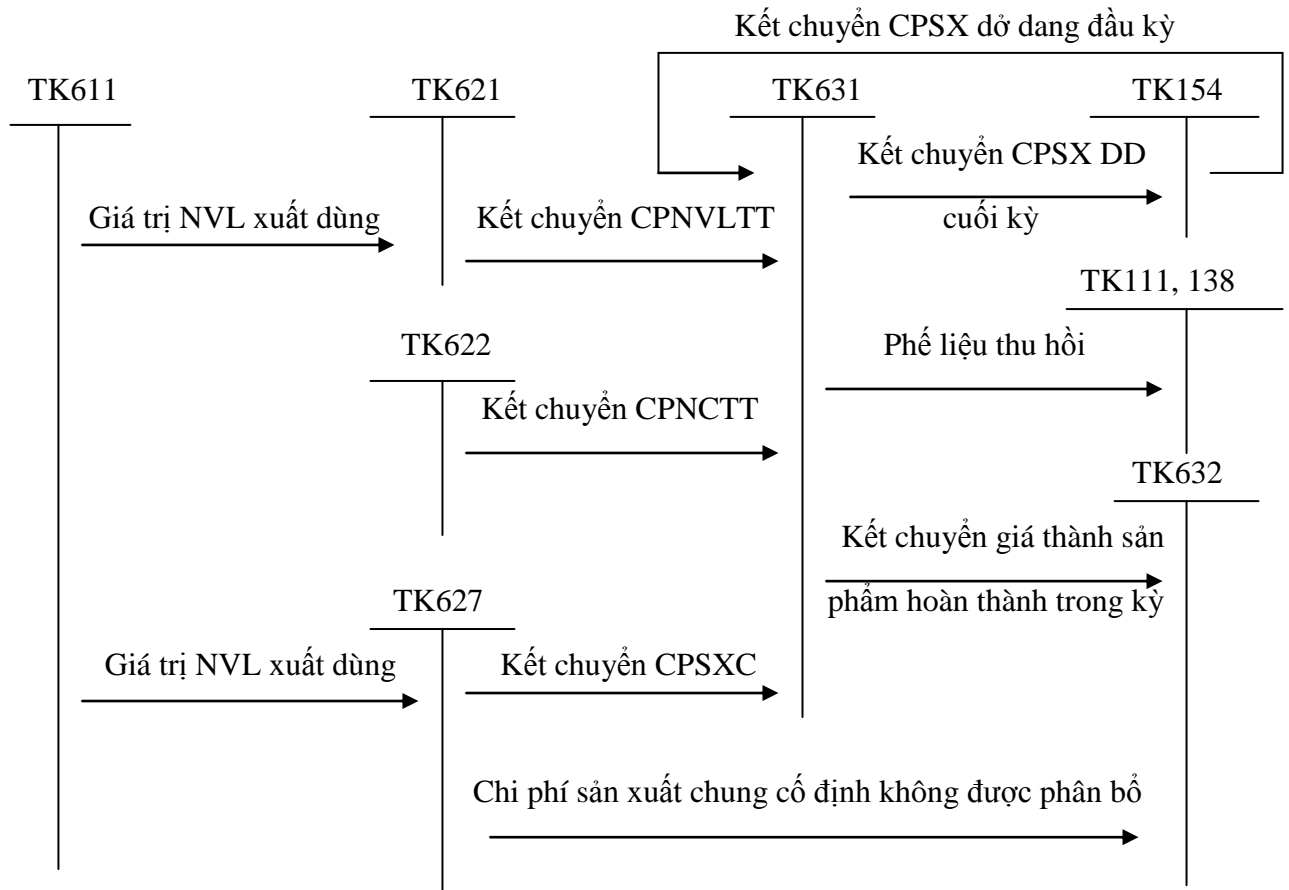
Trong những doanh nghiệp này các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến hàng tồn kho được ghi sổ liên tục. Các TK 621, 622, 627 vẫn được sử dụng để tập hợp chi phí sản xuất chung nhưng TK 154 chỉ được sử dụng để phản ánh giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ và cuối kỳ.

Để phục vụ cho việc tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, kế toán sử dụng tài khoản 631 – Giá thành sản xuất. Tài khoản này được hạch toán chi tiết theo địa điểm phát sinh chi phí (phân xưởng, bộ phận sản xuất,...), nhóm sản phẩm, chi tiết sản phẩm, lao vụ,... tương tự như tài khoản 154. Kết cấu của tài khoản này như sau:

- Bên Nợ: Phản ánh giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ và các chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ liên quan tới chế tạo sản phẩm hay thực hiện lao vụ, dịch vụ.
- Bên Có: + Kết chuyển giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ.
  - + Tổng giá thành sản phẩm, lao vụ, dịch vụ hoàn thành.
  - + Giá trị thu hồi ghi giảm chi phí sản xuất.

Tài khoản 631 cuối kỳ không có số dư.

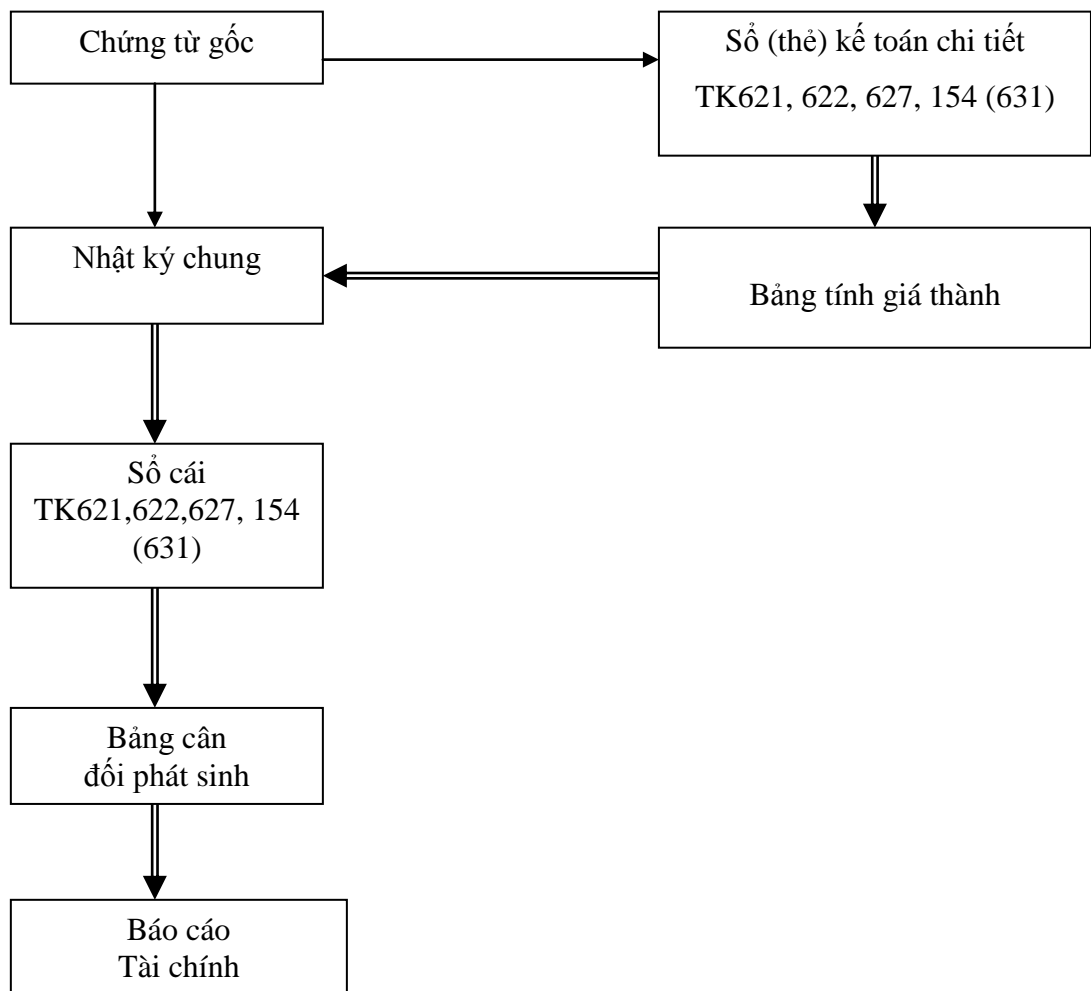
**Sơ đồ 1.7.Sơ đồ kế toán chi phí sản xuất.**



**1.10. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo các hình thức kế toán**

**1.10.1. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật Ký Chung.**

**Sơ đồ 1.8. Trình tự kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức Nhật ký chung**

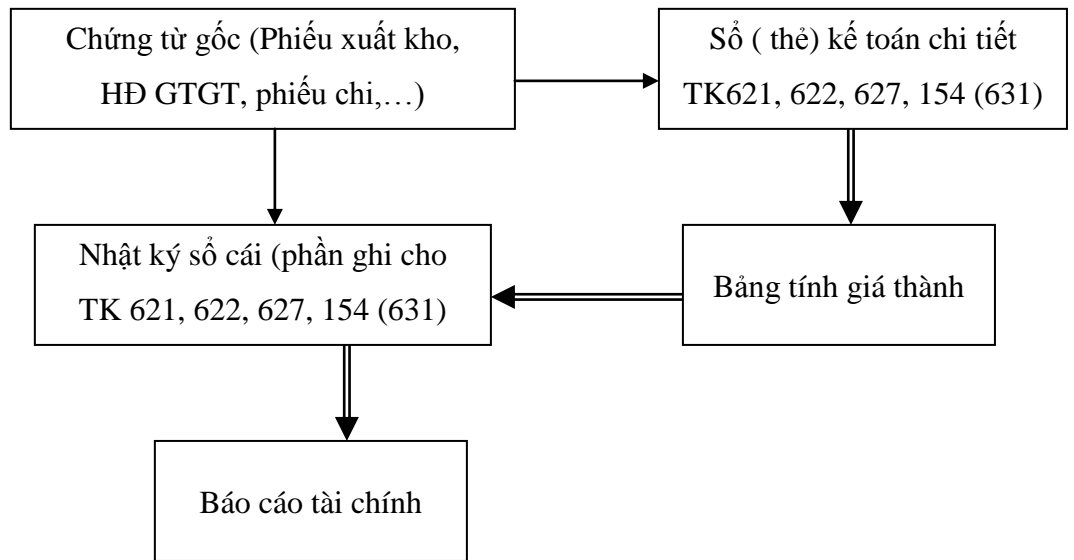


Ghi chú :

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi định kỳ

**1.10.2. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức Nhật ký - Sổ cái.**

**Sơ đồ 1.9. Trình tự kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức Nhật ký - Sổ cái**

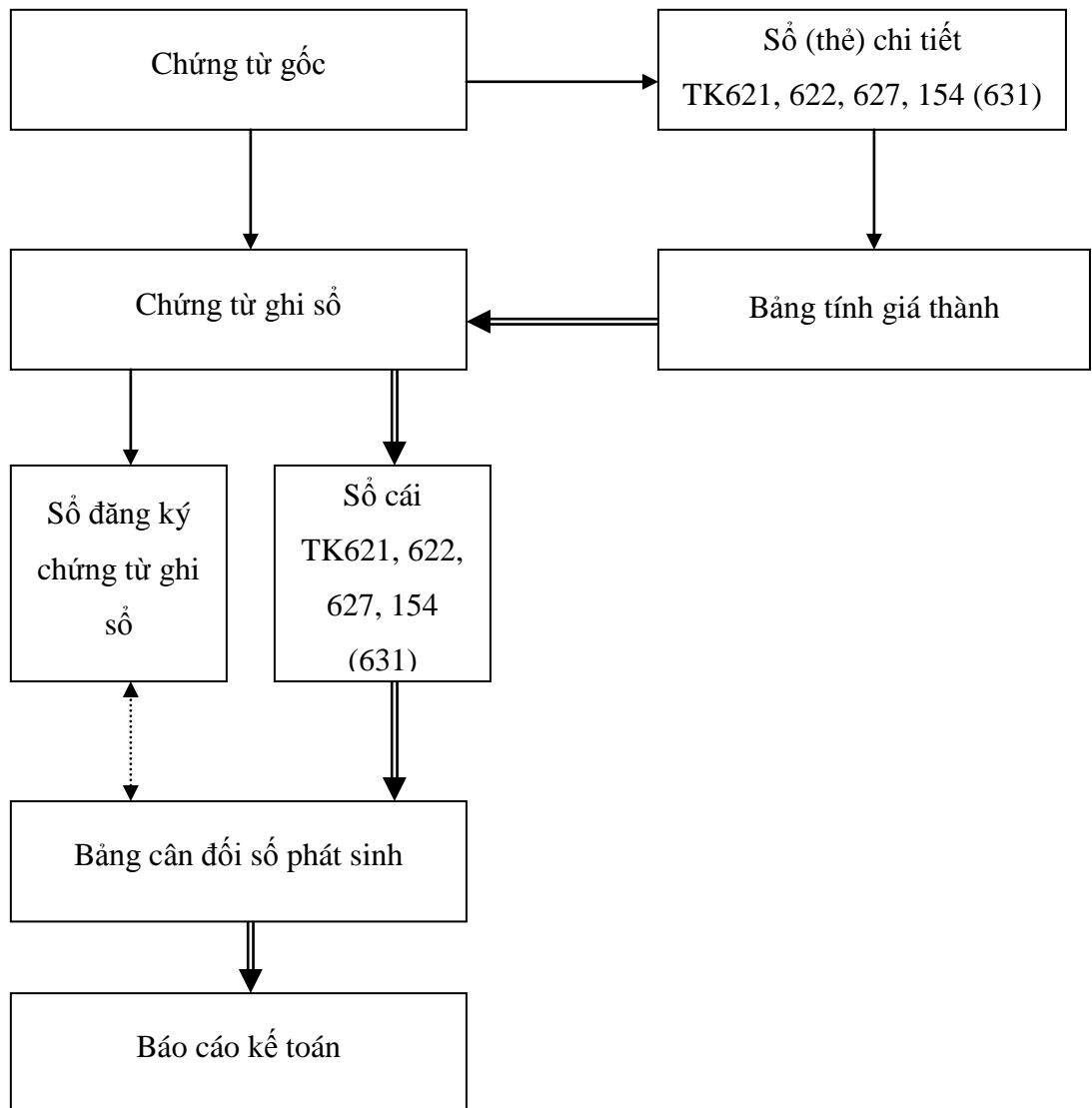


Ghi chú :

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi định kỳ

**1.10.3. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức Chứng từ ghi sổ.**

**Sơ đồ 1.10. Sơ đồ trình tự kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức Chứng từ ghi sổ.**

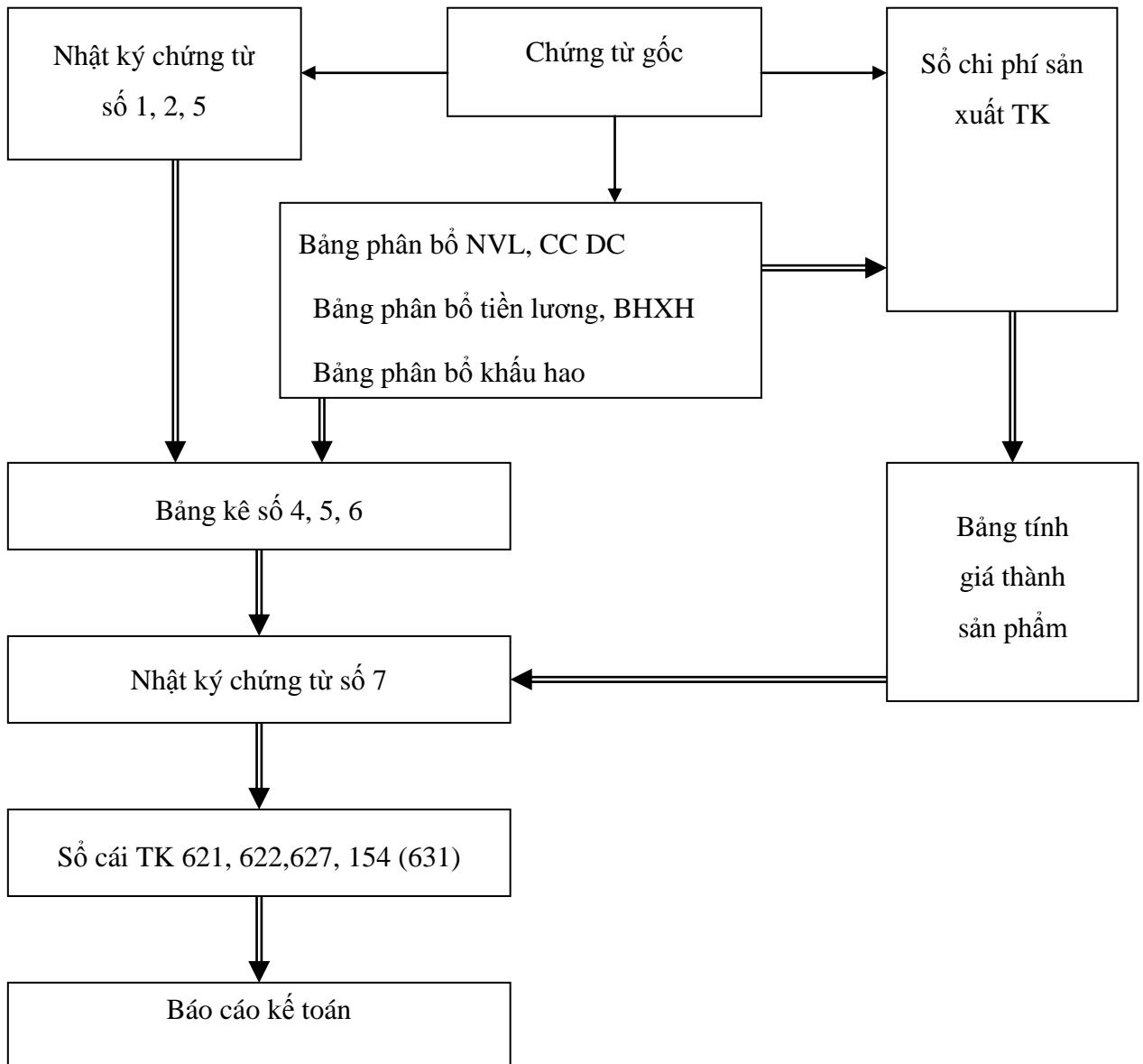


Ghi chú :

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi định kỳ
- ←-----> Quan hệ đối chiếu

**1.10.4. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức Nhật ký - Chứng từ.**

**Sơ đồ 1.11. Sơ đồ trình tự kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức Nhật ký - Chứng từ.**



Ghi chú :

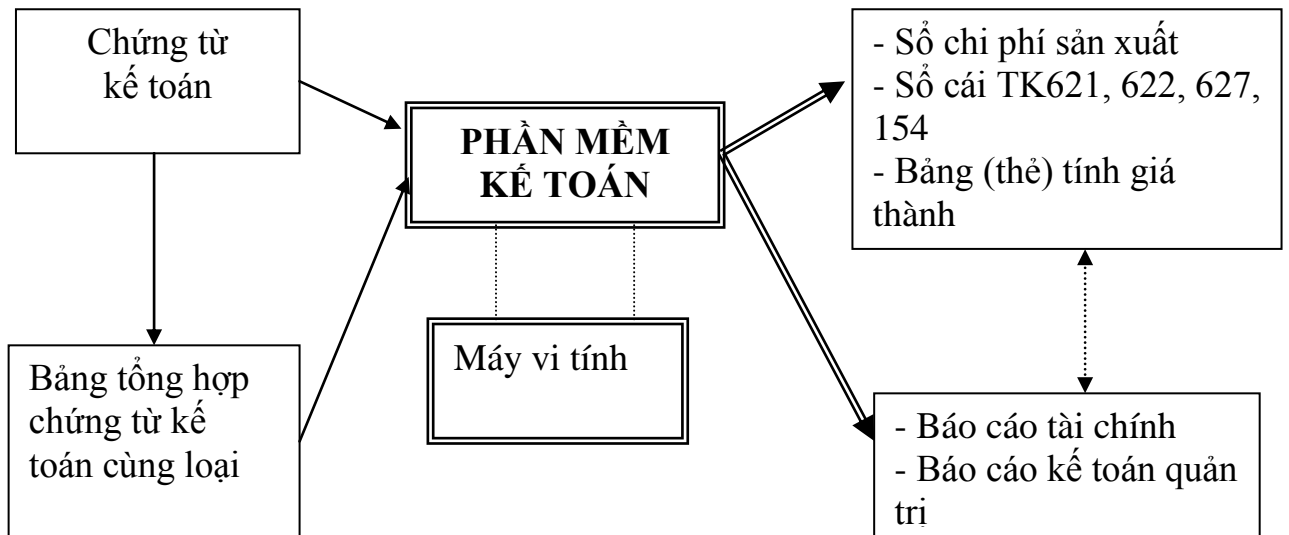
—————> Ghi hàng ngày

=====> Ghi cuối tháng



**1.10.5. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán trên máy vi tính.**

**Sơ đồ 1.13. Sơ đồ trình tự kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán trên máy vi tính**



- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi định kỳ
- ⋯⋯⋯<-> Quan hệ đối chiếu

## **CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH TMVT SX TÁM NHIÊN**

**2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên.**

**2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên**

Với yêu cầu trong thời kỳ đổi mới, thời kỳ mà nền kinh tế hội nhập đang có sự phát triển như vũ bão, việc khuyến khích và đa dạng các ngành nghề kinh doanh đáp ứng nhu cầu tại địa phương và các tỉnh thành trong cả nước là chủ trương của Đảng và Nhà nước ta.

Theo quyết định số 53832 ngày 15/5/1998 của sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng, Công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên đã được thành lập.

- Tên công ty : Công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên
- Trụ sở giao dịch : Xã An Hoà – An Dương - Hải Phòng.
- Tài khoản : 10510000003118
- Mã số thuế : 0200625150
- Điện thoại : 0313.570926
- Fax: 0313.917192
- Email: [Cttamnhien@gmail.com](mailto:Cttamnhien@gmail.com).

Công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên được thành lập từ năm 1998 đã trải qua 12 năm xây dựng và trưởng thành công ty đã thi công nhiều công trình trong tất cả các chuyên ngành xây dựng dân dụng, công cộng, công nghiệp giao thông thuỷ lợi, đường dây tải điện, hạ tầng kỹ thuật đô thị,...

Công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên có một uy tín trong ngành xây dựng, đóng góp ngày càng nhiều trong tiến trình hội nhập và phát triển của thành phố và đất nước. Với lòng tự hào về truyền thống tốt đẹp, sức mạnh nội sinh, trí tuệ và bản lĩnh Công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên đã và đang cùng

cổ, xây dựng thành một trong những đơn vị hàng đầu trong ngành xây dựng nhằm duy trì, nâng cao nhất giá trị của Công ty

## 2.1.2. Đặc điểm sản phẩm, tổ chức sản xuất và quy trình công nghệ tại công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên

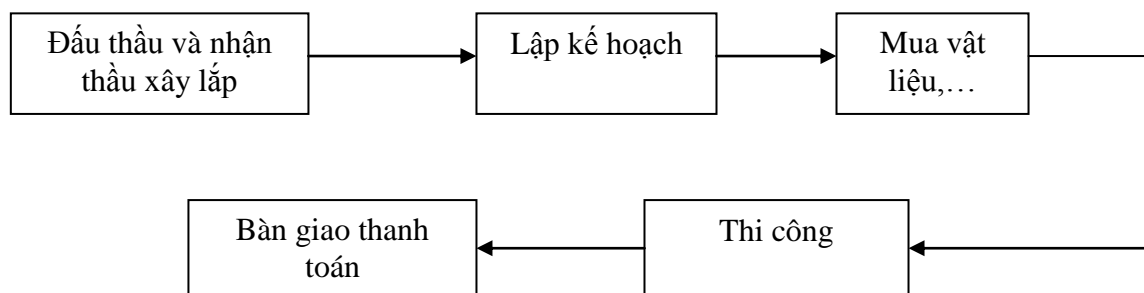
### 2.1.2.1. Đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh.

Xây dựng công trình thuỷ lợi, giao thông, điện nước,... Công ty đã xây dựng nhiều công trình có chất lượng cao như nhà văn hoá huyện An Lão, nhà trẻ mẫu giáo, nhà ăn công ty TNHH Mai Hương,...

### 2.1.2.2. Quy trình công nghệ sản xuất

Do đặc thù của ngành xây dựng cơ bản là ngành sản xuất có vị trí quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, sản phẩm mang tính đơn chiếc, có quy mô lớn, thời gian thi công dài, tương đối phức tạp không ổn định và có tính lưu động cao. Với nét riêng đó đòi hỏi công tác quản lý chỉ đạo thi công, công việc cũng mang sắc thái riêng và được khái quát theo sơ đồ sau

#### Sơ đồ 2.1. Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm xây lắp tại Công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên



Quy trình được diễn ra như sau: Sau khi công ty được nhận thầu phòng kế hoạch tiến hành lập kế hoạch sản xuất chi tiết để các phòng ban có liên quan và các đội thi công tổ chức thực hiện. Khi nhận được kế hoạch phòng kinh doanh (hoặc các đội thi công) nhanh chóng tìm kiếm nguồn nguyên vật liệu có chất lượng tốt giá cả phù hợp cho công trình xây lắp. Sau đó tiến hành thi công công

trình, khi công trình hoàn thành hai bên tiến hành nghiệm thu, bàn giao và thanh toán như các điều khoản đã quy định trong hợp đồng kinh tế giữa hai bên.

★ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong những năm gần đây

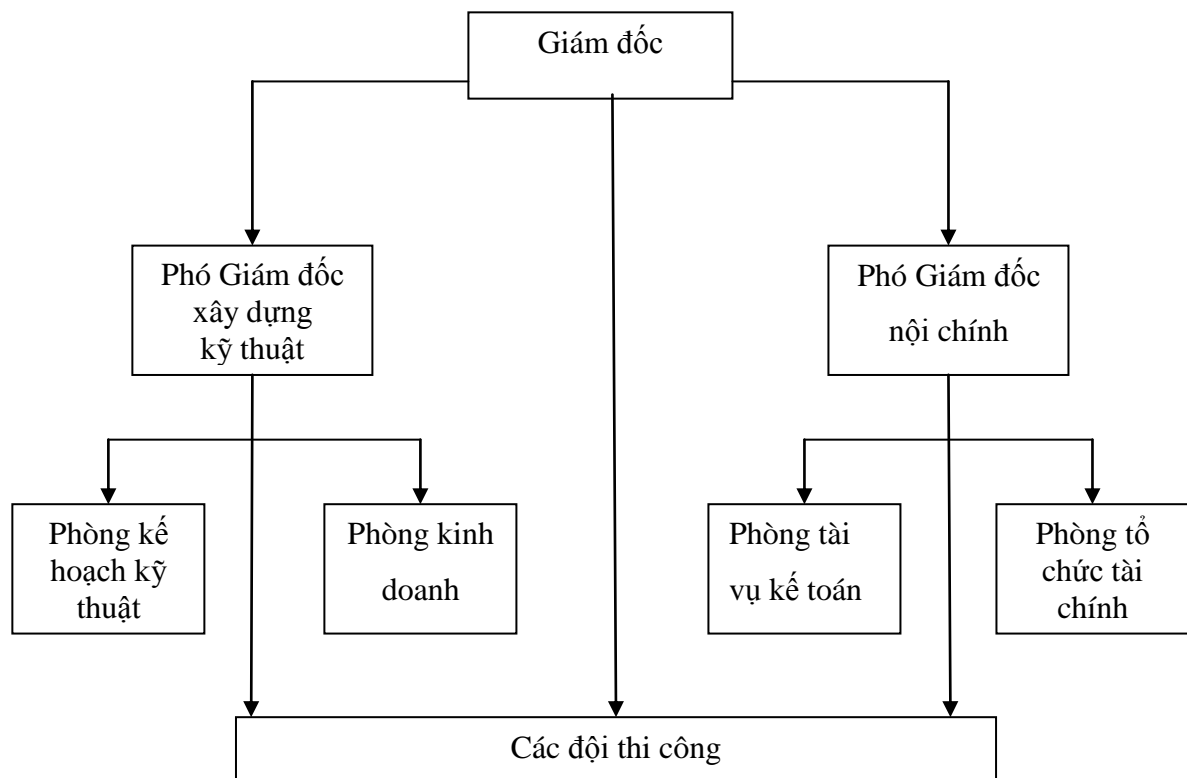
STT	Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
1	Tổng doanh thu	800.495.000	968.073.000	12.086.676.000
2	Lợi nhuận sau thuế	230.863.000	450.277.000	500.812.000
3	Thu nhập bình quân 1 LĐ	1.661.363	1.707.844	2.824.546
4	Tổng số vốn bình quân	8.942.977.646	9.257.626.156	9.973.255.041

(Số liệu trích từ BCTC công ty các năm 2008, 2009, 2010)

**2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên**

Căn cứ vào yêu cầu quản lý sản xuất kinh doanh, Công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên tổ chức quản lý theo mô hình trực tuyến chức năng. Với cơ cấu này các phòng ban chức năng có nhiệm vụ tham mưu cho giám đốc. Thể hiện qua sơ đồ sau

**Sơ đồ 2.2. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên**



- Giám đốc: là người điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Nhà nước và pháp luật về quản lý công tác cán bộ và công tác tài chính.

- Phó giám đốc nội chính: là người có trách nhiệm thay thế giám đốc điều hành mọi hoạt động của công ty khi giám đốc đi vắng nếu được uỷ quyền từ giám đốc.

- Phó giám đốc kỹ thuật: có trách nhiệm kiểm tra đôn đốc, theo dõi mọi công việc thuộc lĩnh vực kỹ thuật của công ty.

- Phòng kế hoạch: tham mưu lập kế hoạch sản xuất chi tiết để các đội thi công tổ chức thực hiện để quản lý tốt công nghệ sản xuất duy trì chất lượng sản xuất ổn định.

- Phòng kinh doanh: khai thác hiệu quả vật tư, thiết bị, có kế hoạch sửa chữa bảo quản các thiết bị máy móc đáp ứng quy mô sản xuất kinh doanh.

- Phòng tài chính kế toán: Quản lý tình hình tài chính của Công ty, tổ chức ghi chép chứng từ ban đầu, phân loại chứng từ, hạch toán kinh tế các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo quy định của Nhà nước, lập báo cáo tài chính theo quý, năm để thường xuyên cung cấp thông tin chính xác đầy đủ, kịp thời cho giám đốc nhằm phục vụ cho việc ra quyết định.

- Phòng tổ chức hành chính: có chức năng tham mưu cho lãnh đạo về định hướng phát triển và quản lý cán bộ công nhân viên, ban hành các thủ tục và áp dụng chế độ trả lương, thưởng và các khoản thu nhập khác cho người lao động, có kế hoạch đào tạo để nâng cao chất lượng đội ngũ lao động,.. đáp ứng nhu cầu sản xuất.

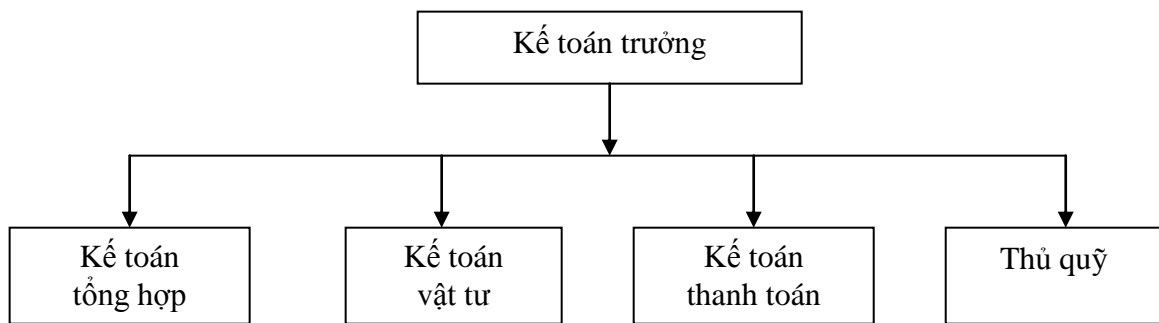
#### **2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên.**

##### **2.1.4.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại công ty.**

Công ty tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tập trung. Toàn bộ công việc kế toán được thực hiện tập trung ở phòng kế toán. Mô hình bộ máy kế toán được thể hiện qua sơ đồ sau

**Sơ đồ 2.3.Mô hình bộ máy kế toán tại công ty**

**TNHH TMVT SX Tám Nhiên**



Nhiệm vụ từng bộ phận:

Các nhân viên kế toán trong bộ máy kế toán có mối liên hệ chặt chẽ xuất phát từ sự phân công lao động, phân hành trong bộ máy kế toán. Mỗi cán bộ công nhân viên đều được quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn để từ đó tạo thành mối có tính vị trí, lệ thuộc, chế ước lẫn nhau. Guồng máy kế toán hoạt động hiệu quả là do sự phân công, tạo lập mối quan hệ giữa các kế toán có tính chất khác nhau.

- Kế toán trưởng: Chịu trách nhiệm trước giám đốc và các cơ quan pháp luật về toàn bộ công việc kế toán của mình tại công ty. Có nhiệm vụ theo dõi chung, chịu trách nhiệm hướng dẫn tổ chức phân công kiểm tra các công việc của nhân viên kế toán, đồng thời phải ký duyệt quyết toán năm theo đúng quá trình kinh doanh.

- Kế toán tổng hợp: Tập hợp toàn bộ các chi phí chung của Công ty và các hoạt động dịch vụ khác của Công ty. Giữ sổ cái tổng hợp cho tất cả các phân hành và ghi sổ cái tổng hợp của Công ty, kế toán thuế, kế toán ngân hàng, quản lý các hoá đơn, lập báo cáo tài chính và báo cáo kế toán.

- Kế toán thanh toán: Ghi chép kịp thời các nghiệp vụ thanh toán với các nhà cung cấp, các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến tiền mặt, tính toán lương và các khoản trích theo lương, tiến hành phân bổ các khoản chi phí lương, chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ theo đúng chế độ kế toán hiện hành.

- Kế toán vật tư: Cập nhật chi tiết lượng hàng hoá, tài sản cố định, công cụ dụng cụ xuất ra và lượng hàng hoá mua vào của Công ty. Dựa vào các chứng từ xuất nhập vật tư cuối tháng tính ra số tiền phát sinh và lập báo cáo.

- Thủ quỹ: Chịu trách nhiệm bảo quản tiền mặt, phản ánh thu, chi, tồn quỹ tiền mặt hàng ngày đối chiếu tồn quỹ thực tế với sổ sách để phát hiện những sai sót và xử lý kịp thời đảm bảo tồn quỹ thực tế tiền mặt cũng bằng số tiền trên sổ sách.

#### **2.1.4.2. Chính sách kế toán áp dụng tại Công ty.**

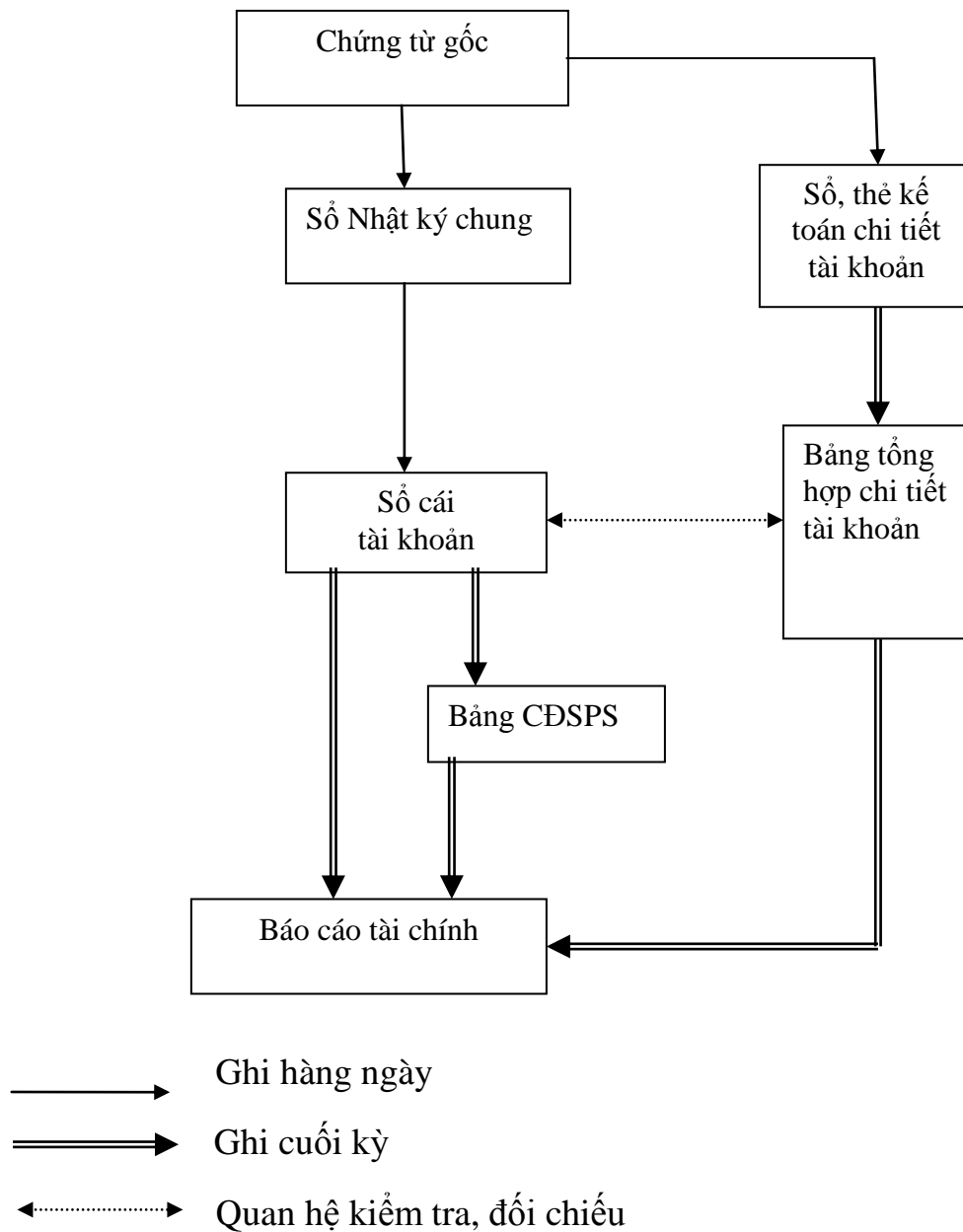
##### **\* Chế độ và chuẩn mực kế toán áp dụng**

Công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên áp dụng chế độ kế toán theo quyết định số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng bộ Tài chính áp dụng cho các doanh nghiệp và các chuẩn mực kế toán Việt Nam.

##### **\* Hình thức kế toán Công ty áp dụng**

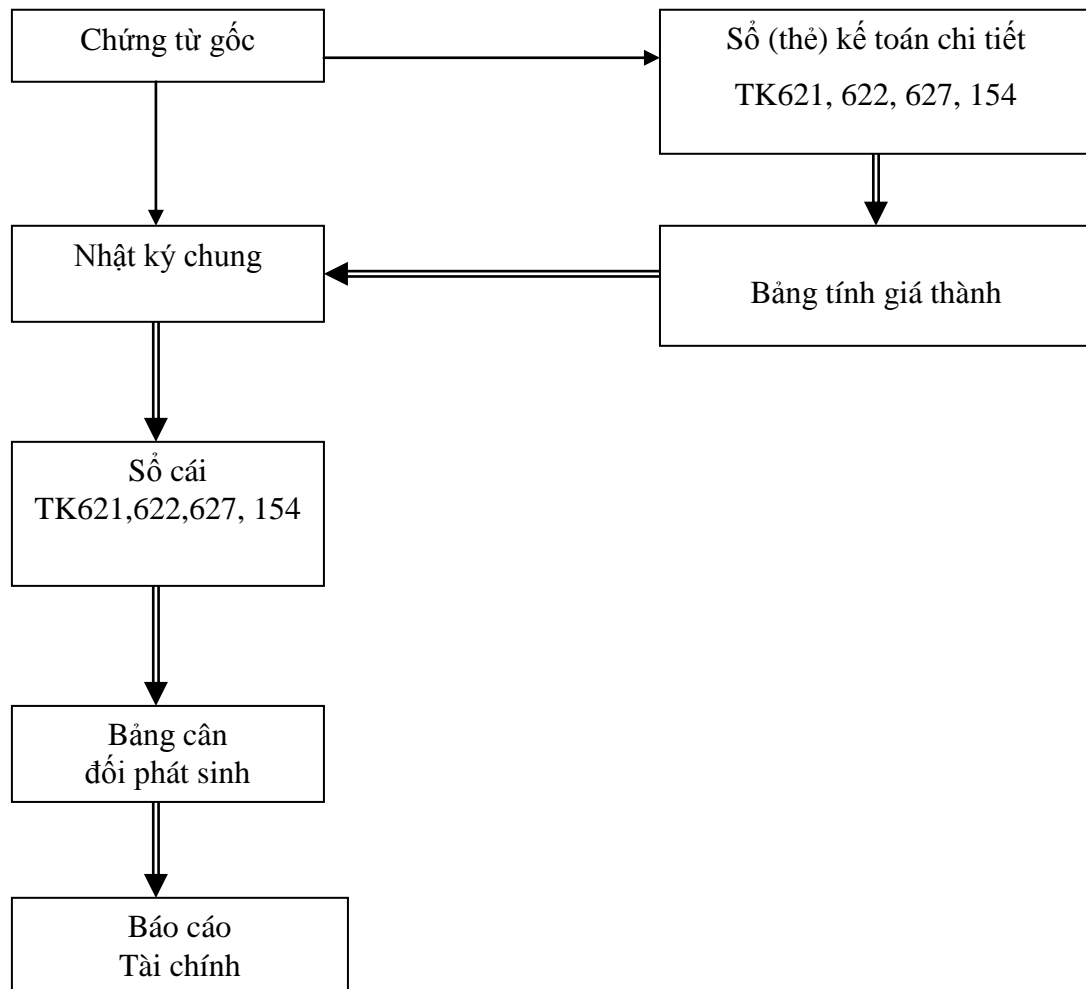
Căn cứ vào hệ thống tài khoản kế toán, chế độ thể lệ kế toán, quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, trình độ của đội ngũ kế toán và yêu cầu quản lý, Công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

**Sơ đồ 2.4. Trình tự ghi sổ kế toán tại công ty  
TNHH TMVT SX Tám Nhiên theo hình thức Nhật ký chung**





**Sơ đồ 2.5. Sơ đồ hạch toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm tại công ty theo hình thức nhật ký chung**



Ghi chú :

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi cuối kỳ

**\* Phương pháp hạch toán hàng tồn kho**

Kế toán hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

**\* Kỳ kế toán áp dụng trong công ty**

Công ty áp dụng kỳ kế toán năm: tính từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm dương lịch

**\* Đơn vị tiền tệ áp dụng trong công ty**

Công ty áp dụng đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam

**\* Phương pháp tính thuế GTGT**

Công ty tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ

**\* Phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho**

Công ty áp dụng tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn.

**\* Phương pháp khấu hao tài sản cố định**

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng

**2.2. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty**

**2.2.1. Đặc điểm và cách phân loại chi phí sản xuất**

**2.2.1.1. Đặc điểm chi phí sản xuất tại công ty**

Chi phí sản xuất bao gồm toàn bộ các chi phí sản xuất phát sinh trong lĩnh vực hoạt động xây lắp, là bộ phận cấu thành lên sản phẩm xây lắp. Do đặc điểm riêng của ngành nên chi phí thường mang tính đa dạng, không ổn định, phụ thuộc vào từng giai đoạn thi công. Vì vậy, kế toán xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất theo đơn đặt hàng.

**2.2.1.2. Phân loại chi phí sản xuất**

Để tạo điều kiện cho việc lập kế hoạch sản xuất, giá thành dự toán, tính giá thành sản phẩm, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch dự toán, Công ty phân loại chi phí sản xuất theo khoản mục chi phí bao gồm:

\* Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: bao gồm toàn bộ các loại nguyên vật liệu cần thiết để tạo ra sản phẩm: nguyên vật liệu chính (xi măng, cát, đá, sắt,...), các loại vật liệu phụ (dây thép buộc, đinh, cây chống,...), các loại vật tư chế sẵn (lưới thép, bê tông đúc sẵn,...) và các loại vật tư hoàn thiện công trình (bồn tắm, máy điều hoà,...).

\* Chi phí nhân công trực tiếp: bao gồm các khoản lương chính, lương phụ và các khoản phụ cấp lương của công nhân tham gia vào việc thi công gồm công nhân trực tiếp thi công, tổ trưởng các tổ thi công và công nhân chuẩn bị, thu dọn công trường.

\* Chi phí sản xuất chung

- Bao gồm toàn bộ các chi phí khác như: Chi phí quản lý, lán trại, điện nước,... và dịch vụ thuê ngoài.

- Chi phí sử dụng máy thi công

+ Đối với máy thi công của công ty: chi phí sử dụng máy thi công bao gồm chi phí khấu hao máy thi công, nhiên liệu chạy máy (xăng, dầu, mỡ), tiền lương cho công nhân lái và phụ máy và các khoản chi phí khác như sửa chữa, bảo dưỡng,...

+ Đối với máy thi công do công ty thuê: chi phí bao gồm toàn bộ các khoản chi phí liên quan đến việc thuê máy (thuê trọn gói)

## **2.2.2. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm**

### **2.2.2.1. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất**

Việc xác định đúng đối tượng hạch toán chi phí phù hợp với quy trình công nghệ, đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh có vai trò quan trọng trong công tác kế toán, giúp cho công ty tính đúng, đủ được giá thành sản phẩm. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất được công ty xác định là từng công trình, hạng mục công trình.

### 2.2.2.2. Đối tượng tính giá thành sản phẩm

Để đo lường hiệu quả hoạt động của mình, các doanh nghiệp phải xác định đúng, đủ giá thành sản phẩm. Công việc đầu tiên trong toàn bộ công tác tính giá thành sản phẩm là xác định đúng đối tượng tính giá thành. Với đặc điểm riêng của ngành xây dựng cơ bản, sản phẩm xây lắp tính đơn chiếc, quy mô lớn, kết cấu phức tạp. Do đó mà đối tượng tính giá thành sản phẩm xây lắp thường trùng với đối tượng tập hợp chi phí. Và đối tượng tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên là công trình, hạng mục công trình đã hoàn thành.

### 2.2.3. Kỳ tính giá thành và phương pháp tính giá thành sản phẩm

#### 2.2.3.1. Kỳ tính giá thành

Kỳ tính giá thành của Công ty vào các quý trong năm khi có công trình hoàn thành bàn giao

#### 2.2.3.2. Phương pháp tính giá thành

Công ty áp dụng phương pháp theo đơn đặt hàng. Giá thành công trình theo phương pháp này áp dụng theo công thức sau:

$$\begin{array}{cccc} \text{Giá thành thực} & \text{Chi phí thực tế} & \text{Chi phí thực tế} & \text{Chi phí thực tế} \\ \text{tế khối lượng xây} & \text{của khối lượng} & \text{của khối lượng} & \text{của khối lượng} \\ \text{lắp hoàn thành} & = \text{xây lắp dở dang} & + \text{xây lắp dở} & - \text{xây lắp dở dang} \\ \text{bàn giao} & \text{đầu kỳ} & \text{dang trong kỳ} & \text{cuối kỳ} \end{array}$$

### 2.2.4. Nội dung, trình tự hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty.

Để thuận tiện cho việc minh chứng số liệu, đề tài tập trung vào việc hạch toán chi phí sản xuất – tính giá thành sản phẩm của công trình nhà xưởng Mai Hương tại công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên.

#### 2.2.4.1. Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tại công ty.

- \* Chứng từ sử dụng
- Hoá đơn giá trị gia tăng
- Phiếu xuất kho

- Phiếu nhập kho
- Giấy đề nghị thanh toán
- \* Tài khoản sử dụng
- TK 621: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp  
( Mở chi tiết theo từng công trình, hạng mục công trình)
- \* Sổ sách sử dụng
- Sổ Nhật ký chung
- Sổ chi tiết TK621
- Sổ sách có liên quan.
- \* Nội dung hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Tại công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên thì nguyên vật liệu sử dụng để cấu thành nên sản phẩm xây lắp bao gồm:

- Vật liệu xây dựng: Đá, cát, xi măng, sắt thép,...
- Vật liệu luân chuyển : Cốp pha, cây chống.
- Vật liệu đúc sẵn: bê tông thương phẩm, cấu kiện chế tạo sẵn,...
- Vật liệu hoàn thiện: Hệ thống chiếu sáng, điện nước,...

Mỗi loại nguyên vật liệu rất đa dạng, nhiều chủng loại. Ví dụ như: Thép có thép cuộn, thép buộc, thép tấm,...Cát có cát xây, cát đổ bê tông, cát trát... Và chúng được đưa vào thi công theo phù hợp với yêu cầu kỹ thuật.

Việc tập hợp chi phí vật liệu được tập hợp cho từng công trình hay hạng mục công trình và được thực hiện ở từng đội xây dựng.

Để đảm bảo việc sử dụng vật tư đúng mức, tiết kiệm và có hiệu quả, hoặc hàng tháng các đội lập bảng dự trù mua vật tư dựa trên dự toán khối lượng xây lắp và định mức tiêu hao vật tư sau khi phòng kỹ thuật duyệt, Công ty sẽ quyết định loại vật tư nào do công ty mua hoặc đội sẽ đi mua với số lượng là bao nhiêu.

Trường hợp đội thi công chịu trách nhiệm đi mua: căn cứ vào giấy đề nghị tạm ứng do các đội gửi lên giám đốc, giám đốc duyệt tạm ứng cho các đội. Trên cơ sở giấy đề nghị tạm ứng, kế toán tiền mặt lập phiếu chi. Phiếu chi được lập thành 3 liên:

liên 1 lưu, liên 2 người xin tạm ứng giữ, liên 3 gửi chuyên cho thủ quỹ để thủ quỹ chi tiền và ghi vào sổ quỹ, sau đó chuyên về cho kế toán tiền mặt.

Trường hợp công ty chịu trách nhiệm đi mua: Sau khi ký hợp đồng, đến thời hạn, các đội cử người đi lĩnh vật tư về công trường. Người bán và nhân viên đội cùng lập biên bản giao nhận hàng hoá. Căn cứ vào hoá đơn và biên bản giao nhận hàng hoá hàng hoá mà công ty có nghĩa vụ trả tiền cho người bán .

Những vật liệu sau khi mua về đều được nhập kho tại công trường. Tuy nhiên vẫn có ngoại lệ nếu vật tư có khối lượng lớn chẳng hạn như cát, đá,... mà kho công trường bị hạn chế thì được nhập ngay tại chân công trình. Khi vật tư về, kế toán đội viết phiếu nhập kho (căn cứ để ghi bảng tổng hợp nhập vật tư)

Căn cứ vào bản vẽ và định mức chi phí vật liệu cho từng khối lượng công việc , phụ trách kỹ thuật đội sẽ tính ra số lượng vật liệu cần thiết cho công việc là bao nhiêu. Và căn cứ vào đó nhân viên kế toán đội sẽ viết phiếu xuất kho vật liệu trong đó có ghi rõ vật liệu được xuất dùng cho đối tượng là công trình hay hạng mục công trình nào. Tổ sản xuất căn cứ vào phiếu xuất sẽ đi lĩnh vật tư để đưa vào thi công.

Ví dụ: Ngày 05/04/2010 xuất kho xi măng cho công trình nhà xưởng Mai Hương theo PX 38,

Biểu 2.1

Đơn vị: CT TNHH TMVT SX Tám Nhiên  
Địa chỉ: An Hoà – An Dương - Hải Phòng

Mẫu số : 02 - VT  
Theo QĐ : 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Quyển số 04  
Số : PX38

**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 05 tháng 04 năm 2010

Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Văn Hùng

Địa chỉ: Đội thi công số 1

Lý do xuất: Công trình nhà xưởng Mai Hương

Xuất tại kho: Kho vật tư

Nợ	Có

Stt	Tên vật tư	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Xi măng HP	XM01	Tấn	50	50	960.000	48.000.000
/							
<b>Cộng</b>				<b>50</b>	<b>50</b>		<b>48.000.000</b>

Số tiền bằng chữ: **Bốn mươi tám triệu đồng chẵn.**

Xuất, ngày 05 tháng 04 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị  
(Đã ký)

Kế toán trưởng  
(Đã ký)

P.T cung tiêu  
(Đã ký)

Người nhận  
(Đã ký)

Thủ kho  
(Đã ký)

Thông thường toàn bộ vật liệu đều mua xuất thẳng đến chân công trình, kế toán viết phiếu nhập và phiếu xuất cùng một lúc, đơn giá trên phiếu xuất bằng đúng đơn giá trên phiếu nhập. Khi công trình hoàn thành , tiến hành kiểm kê số vật tư thừa chuyển công trình khác hoặc nhập lại kho.

Ví dụ: Ngày 07/04/2010 anh Nguyễn Văn Phương đội trưởng đội thi công số 1 mua đá bêtông, đá 1x2, đá 2x4, cát bê tông, cát xây xuất thẳng đến công trình nhà xưởng Mai Hương theo HĐ 0001466

Biểu 2.2

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2 : Giao khách hàng Ngày 07 tháng 04 năm 2010			Mẫu số : 01GTKT – 3LL MY/2010B 0001466		
Đơn vị bán hàng: Cty cổ phần Vạn Xuân Địa chỉ: 32-34, Lê Thánh Tông, NQ, HP Số TK: Điện thoại: <span style="float: right;">MST: 0200431891</span>					
Đơn vị mua hàng: Công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên Địa chỉ: An Hoà – An Dương - Hải Phòng Số TK: 10510000003118 Hình thức thanh toán: CK <span style="float: right;">MST: 0200625150</span>					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Đá bẫy	M <sup>3</sup>	405	120.000	48.600.000
2	Đá 1x2	M <sup>3</sup>	140	200.000	28.000.000
3	Đá 2x4	M <sup>3</sup>	90	200.000	18.000.000
4	Cát bê tông	M <sup>3</sup>	200	165.000	33.000.000
5	Cát xây	M <sup>3</sup>	100	160.000	16.000.000
Cộng tiền hàng					143.600.000
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:					14.360.000
Tổng cộng tiền thanh toán					157.960.000
Số tiền viết bằng chữ: Một trăm năm mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi ngàn đồng					
Người mua hàng (Đã ký)		Người bán hàng (Đã ký)		Thủ trưởng đơn vị (Đã ký)	



Biểu 2.3

Đơn vị: CT TNHH TMVT SX Tám Nhiên  
Địa chỉ: An Hoà – An Dương - Hải Phòng

Mẫu số : 02 - VT  
Theo QĐ : 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Quyển số 04  
Số : PX38

**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 07 tháng 04 năm 2010

Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Văn Hùng

Địa chỉ: Đội thi công số 1

Lý do xuất: Công trình nhà xưởng Mai Hương

Xuất tại : Chân công trình

Nợ	Có

Stt	Tên vật tư	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
	Đá bẫy			405	405	120.000	48.600.000
	Đá 1x2			140	140	200.000	28.000.000
	Đá 2x4			90	90	200.000	18.000.000
	Cát bê tông			200	200	165.000	33.000.000
	Cát xây			100	100	160.000	16.000.000
	<b>Cộng</b>			<b>935</b>	<b>935</b>		<b>143.600.000</b>

Số tiền bằng chữ: Một trăm bốn mươi ba triệu sáu trăm ngàn đồng.

Xuất, ngày 07 tháng 04 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị  
(Đã ký)

Kế toán trưởng  
(Đã ký)

P.T cung tiêu  
(Đã ký)

Người nhận  
(Đã ký)

Thủ kho  
(Đã ký)

(Nguồn trích: Số liệu lấy phòng kế toán công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên)

Từ chứng từ gốc kế toán tiến hành vào sổ Nhật ký chung (Biểu 2.4), sổ cái TK621 (Biểu 2.5) và sổ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (Biểu 2.6).

Biểu 2.4

Đơn vị: Công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên

Địa chỉ: An Hoà – An Dương - Hải Phòng

Mẫu số : S03b- DN  
Theo QĐ: 15/2006/QĐ – BTC

**TRÍCH NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2010

Đơn vị tính : VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
			.....			
05/04	PX38/04	05/04	Xuất kho xi măng HP cho CT nhà xưởng MH	621 152	48.000.000	48.000.000
			.....			
07/04	HD01466	07/04	Mua vật liệu xuất thẳng đến công trình nhà xưởng MH	152 133 112	143.600.000 14.360.000	157.960.000
07/04	PX40/04	07/04	Xuất kho vật liệu cho CT nhà xưởng MH	621 152	143.600.000	143.600.000
			.....			
			<b>Cộng</b>		<b>75.642.571.192</b>	<b>75.642.571.192</b>

(Nguồn trích: Sổ liệu trích nhật ký chung của công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên)

Biểu 2.5

**Đơn vị: Công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên**

**Địa chỉ: An Hoà – An Dương - Hải Phòng**

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

**TRÍCH SỔ CÁI**

Tên TK: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Số hiệu: TK 621

Năm 2010

ĐVT: VNĐ

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			.....			
05/04	PX38/04	05/04	Xuất NVL cho CT nhà xưởng Mai Hương	152	48.000.000	
			.....			
07/04	PX40/04	07/04	Xuất NVL cho CT nhà xưởng Mai Hương	152	143.600.000	
			.....			
			Cộng phát sinh (quý II)		12.035.587.142	12.035.587.142
			Số dư cuối kỳ			

Người ghi sổ  
(Đã ký)

Kế toán trưởng  
(Đã ký)

Giám đốc  
(Đã ký)

( Nguồn trích: Trích sổ cái TK621 công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên)

**Biểu 2.6**

Đơn vị: Công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên

Địa chỉ: An Hoà - An Dương - Hải Phòng

Mẫu số S36 - DN

(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ - BTC

ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Tài khoản: 621

Tên công trình: Nhà xưởng Mai Hương

Quý II năm 2010

ĐVT: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tổng số tiền		Chia ra						
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	Xi măng	Đá bẫy	Đá 1x2	Đá 2x4	Cát BT	Cát xây	....
			Số dư đầu kỳ									
			.....									
05/04	PX38/4	05/04	Xuất NVL cho CT MH	48.000.000		48.000.000						
			.....									
07/04	HĐ01466	07/04	Mua NVL xuất thẳng CT	143.600.000			48.600.000	28.000.000	18.000.000	33.000.000	16.000.000	
			.....									
			Cộng phát sinh	3.143.164.282								
			Ghi có TK		3.143.164.282							
			Số dư cuối kỳ									

(Nguồn trích: Phòng kế toán Công ty TNHH TM VTSX Tám Nhiên)

#### 2.2.4.2. Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp tại công ty.

\* Chứng từ sử dụng:

- Bảng chấm công
- Bảng thanh toán lương
- Giấy đề nghị tạm ứng

\* Tài khoản sử dụng:

- TK 622: Chi phí nhân công trực tiếp.

( Mở chi tiết theo từng công trình, hạng mục công trình)

\* Sổ sách sử dụng:

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK 622
- Sổ khác có liên quan

\* Nội dung hạch toán:

Chi phí nhân công trực tiếp tại công ty là các khoản tiền lương cho công nhân trực tiếp tham gia vào quá trình thi công công trình bao gồm cả công nhân có trong danh sách và công nhân thuê ngoài bao gồm: Công nhân trực tiếp xây lắp, công nhân chuẩn bị thi công, công nhân khuôn vác, công nhân thu dọn công trường...

Khoản mục chi phí nhân công trực tiếp này được tập hợp cho công trình hay hạng mục công trình. Trình tự hạch toán chi phí nhân công trực tiếp được hạch toán như sau: Công ty tiến hành trả lương cho công nhân trực tiếp xây lắp theo hình thức lương thời gian. Công nhân có thể nhận tạm ứng trước lương.

- Hình thức trả lương theo thời gian:

Công thức tính lương theo thời gian:

$$\begin{array}{ccccc} \text{Tiền lương theo} & & \text{Số ngày công} & & \text{Đơn giá tiền lương theo} \\ \text{thời gian} & = & \text{hưởng lương thời gian} & \times & \text{ngày công} \end{array}$$

Khi tiến hành tính lương phải trả mỗi công nhân sẽ hưởng lương với đơn giá ngày công cụ thể ngay trên hợp đồng .

Đối với công trình của công ty mà giao cho từng đội làm, đội trưởng công trình tạm ứng tiền để thanh toán chi phí nhân công trực tiếp. Căn cứ vào bảng thanh toán thanh toán lương, kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (biểu 2.10), sau đó vào sổ cái (Biểu 2.11) và sổ chi phí nhân công trực tiếp (Biểu 2.12)

Ví dụ: Lương Ông Phạm Đình Quận tháng 4 năm 2010 như sau:

$$100.000 * 26 + 20.000 * 26 = 3.120.000d$$

Biểu 2.7

Đơn vị: Công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên

Bộ phận: Thi công – Nhà xưởng Mai Hương

**BẢNG CHẤM CÔNG**

Tháng 04 năm 2010

St t	Họ và tên	Ngày trong tháng																														Số công
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	
1	Nguyễn Trung Kiên	+	+	+		+		+	+	+	+	+	+	+	+	+	+		+	+	+	+	+	+		+	+	+	+		25	
2	Nguyễn Đức Thăng	+	+	+		+	+	+	+	O	+	+	+	+	+	+	+		+	+	+	+	+	+	P		+	+	+	+		24
3	Nguyễn Quang Sĩ	+	+	+		+	+	+	+	+		+	+	+	+	+	+		P	+	+	+	+	+	+		+	+	+	+		24
4	<b>Phạm Đình Quận</b>	+	+	+		+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+		+	+	+	+	+	+	+		+	+	+	+		<b>26</b>
5	Đàm Văn Quyền	+	+	+		+	+	+	P	+	+	+	+	+		+	+		P	+	+	+	+	+	+		+	+	+	+		23
6	Nguyễn Văn Thanh	+	+	+		+	+	+	P	P	P	+	+	+	+	+	+		+	+	+	+	+	+	+		+	P	+	+		22
7	Đoàn Duy Hưng	+	+	+		+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+		+	+	+	+	+	+	+		+	+	+	+		26
	.....																															
	Tổng																															....

**Người duyệt**  
(Đã ký)

**Phụ trách bộ phận**  
(Đã ký)

**Người chấm công**  
(Đã ký)

Ký hiệu chấm công

Lương sản phẩm : K  
 Lương thời gian : +  
 Ốm, điều dưỡng : Ô  
 Con ốm : Cô  
 Thai sản : TS  
 Tai nạn : T  
 Tập quân sự : Q

Nghỉ phép : P  
 Hội nghị, học : H  
 Nghỉ bù : B  
 Nghỉ không lương : R  
 Ngừng việc : N  
 Lao động nghĩa vụ : LĐ  
 Nghỉ không lý do : O

Biểu 2.8

Đơn vị : Công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên

Địa chỉ: An Hoà – An Dương - Hải Phòng

Số : BL4 MH

**BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG**

*Bộ phận thi công nhà xưởng Mai Hương – Tháng 04 năm 2010*

**Đội số 1**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày công	Lương ngày	Tiền công	Phụ cấp	Tiền ăn ca	Thực lĩnh	Ký nhận
1	Nguyễn Trung Kiên	Công nhân	25	130,000	3,250,000		500,000	3,750,000	
2	Nguyễn Đức Thắng	Công nhân	24	120,000	2,880,000		480,000	3,360,000	
3	Nguyễn Quang Sĩ	Công nhân	24	110,000	2,640,000		480,000	3,120,000	
<b>4</b>	<b>Phạm Đình Quận</b>	<b>Công nhân</b>	<b>26</b>	<b>100,000</b>	<b>2,600,000</b>		<b>520,000</b>	<b>3,120,000</b>	
5	Đàm Văn Quyền	Công nhân	23	100,000	2,300,000		460,000	2,760,000	
6	Nguyễn Văn Thanh	Công nhân	22	120,000	2,640,000		440,000	3,080,000	
7	Đoàn Duy Hưng	Công nhân	26	100,000	2,600,000		520,000	3,120,000	
	.....								
	<b>Cộng</b>							<b>80,880,000</b>	

Số tiền bằng chữ: Tám mươi triệu tám trăm tám mươi tám ngàn đồng.

Hải phòng, ngày 30 tháng 04 năm 2010

Kế toán lương

(Đã ký)

Phụ trách kế toán

(Đã ký)

Thủ trưởng đơn vị

(Đã ký)

( Nguồn trích: Số liệu lấy phòng kế toán công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên)



Biểu 2.9

**BẢNG TỔNG HỢP LƯƠNG CÔNG NHÂN  
TRỰC TIẾP SẢN XUẤT SẢN PHẨM  
Tháng 04/2010  
Toàn công ty**

STT	Đội thi công	Tổng số lương
1	Đội thi công số 1	80.880.000
2	Đội thi công số 2	45.348.500
3	Đội thi công số 3	53.828.500
	Cộng	180.057.000

(Nguồn trích: Số liệu lấy phòng kế toán CT TNHH TMVT SX Tám Nhiên)

Biểu 2.10

**Đơn vị: Công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên**

**Địa chỉ: An Hoà – An Dương - Hải Phòng**

**NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2010

Đơn vị tính : VNĐ

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
			.....			
30/04	BL4	30/04	Tính lương T4 phải trả cho CNTT SX	622 334	180.057.000	180.057.000
			.....			
05/05	HĐ00062	05/05	Mua văn phòng phẩm	642	4.600.000	
				133	460.000	
				1111		5.060.000
			.....			
31/05	BL5	31/05	Tính lương T5 phải trả cho CNTT SX	622	178.507.000	
				334		178.507.000
			.....			
			<b>Cộng</b>		<b>75.642.571.192</b>	<b>75.642.571.192</b>

( Trích sổ Nhật ký chung, số liệu lấy từ phòng kế toán)

Biểu 2.11

Đơn vị: Công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên

Địa chỉ: An Hoà – An Dương - Hải Phòng

Mẫu số S38-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC

ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT**

Tên TK: Chi phí nhân công trực tiếp –TK6221

Tên công trình: Nhà xưởng Mai Hương

Năm 2010

ĐVT: VN Đ

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ (Quý II)					
			Phát sinh trong kỳ					
30/04	BL4MH	30/04	Tính lương T4 phải trả CN CT MH	334	80.880.000			
31/05	BL5MH	31/05	Tính lương T5 phải trả CN CT MH	334	78.507.000			
30/06	BL6MH	30/06	Tính lương T6 phải trả CN CT MH	334	82.242.000			
30/06	KCMH	30/06	Kết chuyển CPNCTT	154		241.629.000		
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>241.629.000</b>	<b>241.629.000</b>		
			Số dư cuối kỳ (Quý II)					

Người ghi sổ  
(Đã ký)

Kế toán trưởng  
(Đã ký)

Giám đốc  
(Đã ký)

(Số liệu lấy từ phòng kế toán công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên)

Biểu 2.12

**Đơn vị: Công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên**

**Địa chỉ: An Hoà – An Dương - Hải Phòng**

## TRÍCH SỔ CÁI

Tên TK: Chi phí nhân công trực tiếp

Số hiệu: TK 622

Năm 2010

ĐVT: VNĐ

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ (Quý II)</b>			
<b>30/04</b>	<b>BL4</b>	<b>30/04</b>	<b>Tính lương T4 phải trả cho CNTT SX</b>	<b>334</b>	<b>180.057.000</b>	
31/05	BL5	31/05	Tính lương T5 phải trả cho CNTT SX	334	178.507.000	
30/06	BL6	30/06	Tính lương T6 phải trả cho CNTT SX	334	182.242.000	
			.....			
			<b>Cộng phát sinh (Quý II)</b>		<b>541.256.000</b>	<b>541.256.000</b>
			<b>Số dư cuối kỳ (Quý II)</b>			

**Người ghi sổ  
(Đã ký)**

**Kế toán trưởng  
(Đã ký)**

**Giám đốc  
(Đã ký)**

*(Số liệu lấy từ phòng kế toán công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên)*

Biểu 2.12

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Tài khoản: 622

Tên công trình: Nhà xưởng Mai Hương

Đội thi công : Số 1

ĐVT: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tổng số tiền		Chia ra			
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	Lương	BHXH	BHYT	....
			<b>Số dư đầu kỳ</b>						
			.....						
30/04	BL4MK	30/04	Tính lương T4 phải trả cho CN CT nhà xưởng MH	80.880.000		80.880.000			
31/05	BL5MK	31/05	Tính lương T5 phải trả cho CNCT nhà xưởng MH	78.507.000		75.507.000			
30/06	BL6MK	30/06	Tính lương T6 phải trả cho CN CT nhà xưởng MH	82.242.000		82.242.000			
			<b>Cộng phát sinh (Quý II)</b>	<b>241.629.000</b>					
			<b>Số dư cuối kỳ</b>						

(Nguồn trích: Phòng kế toán Công ty TNHH TM VTSX Tâm Nhiên)

### **2.2.4.3. Hạch toán chi phí sản xuất chung tại công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên.**

\* Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn GTGT dịch vụ mua ngoài
- Bảng thanh toán lương
- Bảng khấu hao TSCĐ

\* Tài khoản sử dụng

- TK 627 – Chi phí sản xuất chung

Sử dụng tài khoản cấp 2

- Tài khoản 6271 – Chi phí nguyên vật liệu quản lý
- Tài khoản 6272 – Chi phí vật liệu – Công cụ dụng cụ
- Tài khoản 6274 – Chi phí khấu hao TSCĐ
- Tài khoản 6277 – Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Tài khoản 6278 – Chi phí bằng tiền khác

\* Sổ sách sử dụng

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK 627
- Sổ khác có liên quan

\* Nội dung hạch toán chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung là một trong những khoản chi phí cấu thành lên giá thành sản phẩm xây lắp. Nó bao gồm toàn bộ chi phí có tính chất phục vụ cho công tác quản lý, sử dụng máy thi công tổ chức điều hành quá trình thi công xây lắp công trình: Chi phí nhân viên, công nhân sử dụng máy, chi phí vật liệu – công cụ dụng cụ, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí bằng tiền khác, chi phí dịch vụ mua ngoài.

- Chi phí nhân viên

+ Gồm các khoản tiền lương cho nhân viên quản lý các đội xây dựng và công nhân đội máy thi công

- + Tài khoản sử dụng: TK 6271 – Chi phí nhân viên đội xây dựng

- + Phương pháp tập hợp:

Cuối tháng căn cứ vào bảng thanh toán lương xác định lương phải trả cho nhân viên quản lý công trình và công nhân sử dụng máy thi công, kê toán ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu2.), sổ cái tài khoản 627 ( Biểu 2.)

Ví dụ

**Biểu 2.13**

Đơn vị: Công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên

Địa chỉ: An Hoà - An Dương - Hải Phòng

**BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG**  
 Bộ phận: Quản lý và sử dụng máy thi công  
 Tháng 04/2010

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương
1	Trương Văn Phan	ĐT thi công	4.420.000
2	Nguyễn Tiến Huy	ĐP đội thi công	4.300.000
3	Đoàn Hồng Hoàng	GS kỹ thuật	4.200.000
4	Phạm Văn Hậu	CB kỹ thuật	4.200.000
...	.....		
	Trần Văn Hiếu	Bảo vệ	3.000.000
	Mai Văn Công	Bảo vệ	3.000.000
	Hoàng Thị Mười	Tạp vụ	2.819.000
	<b>Tổng cộng</b>		<b>92.872.000</b>

\* Chi phí vật liệu – công cụ, dụng cụ

- Gồm chi phí vật liệu dùng cho đội xây dựng (vật liệu dùng để sửa chữa, bảo dưỡng TSCĐ) và chi phí về công cụ dụng cụ xuất dùng cho hoạt động quản lý của đội xây dựng và đội sử dụng máy thi công.

- Tài khoản sử dụng : TK6272- Chi phí vật liệu – Công cụ, dụng cụ

- Phương pháp tập hợp:

Việc tính giá vật liệu – công cụ, dụng cụ phục vụ cho sản xuất chung giống như cách tính giá vật liệu – công cụ, dụng cụ xuất dùng trực tiếp cho thi công xây lắp công trình (theo phương pháp nhập trước - xuất trước).

Hàng ngày căn cứ vào phiếu xuất kho vật liệu, công cụ, dụng cụ, hoá đơn GTGT kê toán tiến hành ghi sổ

Biểu 2.14

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2 : Giao khách hàng Ngày 15 tháng 04 năm 2010			Mẫu số : 01GTKT – 3LL MY/2010B 0004484		
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Tuấn Hương Địa chỉ: An Hồng – An Dương - Hải Phòng Số TK: Điện thoại:					
MST: 0200560792					
Đơn vị mua hàng: Công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên Địa chỉ: An Hoà – An Dương - Hải Phòng Số TK: 10510000003118 Hình thức thanh toán: CK					
MST: 0200625150					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Xăng A92	Lít	20	15.345	306.909
2	Mua dầu bảo dưỡng	Lít	70	12.818	897.273
Cộng tiền hàng					1.204.182
Thuế suất GTGT: 10% + Phí 1000 đ/lít					Tiền thuế GTGT: 120.418
Tổng cộng tiền thanh toán					1.414.600
Số tiền viết bằng chữ: Một triệu bốn trăm mười bốn ngàn sáu trăm đồng.					
Người mua hàng (Đã ký)		Người bán hàng (Đã ký)		Thủ trưởng đơn vị (Đã ký)	

(Nguồn trích: Số liệu lấy phòng kế toán Công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên)

- Chi phí khấu hao TSCĐ

+ Là chi phí phản ánh chi phí khấu hao TSCĐ dùng cho hoạt động của đội xây dựng



+ Tài khoản sử dụng: TK6274 – Chi phí khấu hao TSCĐ

+ Phương pháp ghi:

Cuối mỗi tháng kế toán tiến hành trích khấu hao TSCĐ theo tỷ lệ quy định, tập hợp vào bên Nợ TK6274 và ghi vào sổ chi tiết TK 6274

Việc tính toán và khấu hao cho từng công trình, hạng mục công trình trong tháng thực hiện trên bảng trích khấu hao TSCĐ và Bảng phân bổ chi phí khấu hao TSCĐ.

Biểu 2.17

Đơn vị: Công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên

Địa chỉ: An Hoà - An Dương - Hải Phòng

**BẢNG TỔNG HỢP KHẤU HAO TSCĐ**

Toàn Công ty

Tháng 04/2010

STT	Ngày bàn giao	Tên tài sản	Bộ phận sử dụng	Nguyên giá	GT KH lũy kế cuối T3	Mức KH năm	Số KH trích T7	Phân bổ cho TK627	GT KH lũy kế cuối T4
1	08/01/2009	Máy trộn bê tông	Thi công	75,000,000	5,000,000	10 năm	625,000	625,000	5,625,000
2	01/02/2010	Xe Lusakai 01	Thi công	862,000,000	21,549,999	10 năm	7,183,333	7,183,333	28,733,332
3	31/5/2009	Xe xúc đào	Thi công	589,500,000	49,125,000	10 năm	4,912,500	4,912,500	54,037,500
		.....							
		<b>Cộng</b>		<b>8,991,520,000</b>	<b>826,530,183</b>		<b>132,364,178</b>	<b>132,364,178</b>	<b>958,894,361</b>

(Nguồn trích: Số liệu lấy phòng kế toán Công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên)

- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + Nội dung chi phí bao gồm các khoản như: Tiền điện, nước sinh hoạt, điện thoại sử dụng cho quản lý đội và quản lý công trình
- + Tài khoản sử dụng: TK6277- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + Phương pháp tập hợp: Các khoản chi phí nói trên ghi vào bên Nợ TK6277

Biểu 2.19

<b>◆VMS</b>	<b>HOÁ ĐƠN GTGT</b>	<b>mobifone</b>			
<b>Công ty thông tin di động</b>	<b>BILL (VAT)</b>				
<b>trung tâm thông tin di động khu vực V</b>	Liên 2: Giao khách hàng	Mẫu số: 01GTKT2/001			
Địa chỉ: Số 8 Lô 28A Lê Hồng Phong		Sêri: GB/11P			
Q Ngô Quyền- Hải Phòng		Số:0004510			
Tel: 18001090 - Fax: 031.3558869					
MST: 0100686209084					
<b>Tên khách hàng: Công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên</b>					
MST: 0200625150					
Địa chỉ (Address): An Hoà - An Dương - Hải Phòng					
Số thuê bao (Sub No): 0904833977					
Cước từ ngày (Charging from): 01/4/2010 đến ngày (To) :30/04/2010					
STT	Khoản (Item)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Price)	Số tiền (Amount)
	Cước dịch vụ thông tin di động (Mobile phone service charges)				396,363
Cộng tiền (1) (Total)					396,363
Thuế suất GTGT 10% x(1)=Tiền thuế GTGT (2) (Value Address tax):					39,637
Tổng cộng tiền thanh toán (3)=(1)+(2) (Group total):					436,000
<i>Số tiền viết bằng chữ (Sum in words): Bốn trăm ba mươi sáu ngàn đồng</i>					
Ngày 30 tháng 04 năm 2010					
Người nộp tiền			Nhân viên giao dịch		

- Chi phí khác bằng tiền
  - + Là các khoản chi phí như: Chi phí tiếp khách, công tác phí phục vụ thi công trình, các khoản chi mua và sử dụng các tài liệu kỹ thuật, bằng sáng chế và các khoản chi phí khác bằng tiền phục vụ cho hoạt động của đội xây dựng.

+ Tài khoản sử dụng: TK6278 – Chi phí khác bằng tiền

+ Phương pháp tập hợp: Căn cứ vào các hoá đơn thanh toán, phiếu chi, Giấy báo nợ của ngân hàng kế toán tiến hành ghi chép vào sổ chi tiết Tk 6278

Biểu 2.21

**Đơn vị: CT TNHH TMVT SX Tám Nhiên**  
**Địa chỉ: An Hòa- An Dương- HP**

**Mẫu số 02 - TT**  
**Theo QĐ: 15/2006/QĐ-BTC**  
**ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC**

**Số : PC 15/4**

## PHIẾU CHI

*Ngày 04 tháng 04 năm 2010*

Nợ TK 6278:  
Có TK 111:

Họ, tên người nhận tiền: Phan Tiến Huy

Địa chỉ: Bộ phận thi công

Lý do chi: Chi mua văn phòng phẩm

Số tiền: **126.500 đồng**

Bằng chữ: **Một trăm hai mươi sáu ngàn năm trăm đồng.**

Kèm theo: **Chứng từ gốc**

*Ngày 04 tháng 04 năm 2010*

<b>Giám đốc</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Người lập</b>	<b>Người nhận</b>	<b>Thủ quỹ</b>
(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)

Biểu 2.23

Đơn vị: Công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên

Địa chỉ: An Hoà – An Dương - Hải Phòng

**NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2010

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
			.....			
04/04	PC15/04	04/04	Thanh toán tiền mua VVP	627	396.363	
				111		396.363
			.....			
15/04	HĐ4484	15/04	Mua xăng A92, mua dầu bảo dưỡng	627	1.204.182	
				133	120.418	
				111		1.324.600
			.....			
30//04	BL4MK	30/04	Tính lương phải trả cho NV quản lý	627	42.872.000	
				334		42.872.000
30/04	BKHKM4	30/04	Trích KH TSCĐ	627	132.364.178	
				214		132.364.178
			.....			
30/04	HĐ4510	30/04	Thanh toán tiền điện thoại cho ĐT	133	36.033	
				111		396.363
			.....			
			<b>Cộng</b>		<b>75.642.571.192</b>	<b>75.642.571.192.</b>

(Nguồn trích: Số liệu trích sổ NKC công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên )

Biểu 2.24

Đơn vị: Công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên

Địa chỉ: An Hoà – An Dương - Hải Phòng

**SỔ CÁI**

Tên TK: Chi phí sản xuất chung

Số hiệu: TK 627

Năm 2010

DVT: VNĐ

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			.....			
04/04	PC15/04	04/04	Thanh toán tiền mua VVP	111	396.363	
			.....			
15/04	HD4484	15/04	Mua xăng A92, mua dầu bảo dưỡng	111	1.379.600	
			.....			
30//04	BL4MK	30/04	Tính lương phải trả cho NV quản lý	334	92.872.000	
			.....			
30/04	BKHKM4	30/04	Trích KH TSCĐ dùng cho CT MH T4	214	32.364.178	
			.....			
30/06	HD4510	30/06	Thanh toán tiền điện thoại cho ĐT	111	396.363	
			.....			
			<b>Cộng phát sinh (Quy II)</b>		<b>895.237.056</b>	<b>895.237.056</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

(Nguồn trích: Sổ liệu trích sổ cái công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên )

**Biểu 2.25**

Đơn vị: Công ty TNHH TMVT SX Tắm Nhiên

Địa chỉ: An Hoà - An Dương - Hải Phòng

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Tài khoản: 627

Tên công trình: Nhà xưởng Mai Hương

Đội thi công : Số 1

ĐVT: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tổng số tiền		Chia ra				
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	6271	6272	6274	6277	6278
			Số dư đầu kỳ							
			.....							
04/04	PC15/04	04/04	Thanh toán tiền mua VPP	396.363						396.363
			.....							
15/04	HĐ4484	15/04	Mua xăng dầu bảo dưỡng	1.204.182			1.204.182			
			.....							
30/04	BL4	30/04	Tính lương phải trả cho nv quản lý	42.872.000		42.872.000				
30/04	BKH	30/04	Trích KH dùng cho CT Mai Hương	32.364.178				32.364.178		
30/04	HĐ4510	30/04	Thanh toán tiền điện thoại cho ĐT	360.33					360.33	
			.....							
			Cộng phát sinh(Quý II)	280.358.459	280.358.459	154.744.000	20.235.600	97.092.534	3.725.368	4.560.957
			Ghi có TK							
			Số dư cuối kỳ							

(Nguồn trích: Phòng kế toán Công ty TNHH TM VTSX Tắm Nhiên)

### **Phân bổ chi phí sản xuất chung**

Việc phân bổ chi phí sản xuất chung cho các đối tượng chi phí cụ thể ở nhà máy dựa trên chi phí nhân công trực tiếp.

- Xác định hệ số phân bổ chi phí sản xuất chung

$$\text{Hệ số phân bổ} = \frac{\text{Tổng chi phí sản xuất chung}}{\text{Tổng chi phí nhân công trực tiếp}}$$

- Xác định mức chi phí phân bổ sản xuất chung cho công trình nhà xưởng Mai Hương.

$$= \text{Hệ số phân bổ} \times \text{Chi phí nhân công trực tiếp đội số 1}$$

$$= \frac{895.237.056}{541.256.000} \times 241.629.000$$

$$= 399.654.427đ$$

### **2.2.4.5. Tổng hợp chi phí sản xuất, đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm**

\* Chứng từ sử dụng

- Phiếu hạch toán

- Sổ ( thẻ ) giá thành

\* Tài khoản sử dụng

- TK 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

\* Sổ sách sử dụng:

Sổ Nhật ký chung

Sổ cái TK 154

Sổ sách khác có liên quan

\* Nội dung tổng hợp chi phí sản xuất, đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm



- Tổng hợp chi phí sản xuất

Đề tập hợp chi phí sản xuất của đơn vị, kế toán sử dụng TK154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Từ TK154 làm cơ sở cho việc tính giá thành thực tế của công trình mà công ty thực hiện trong quý. Khi lập bảng tập hợp chi phí sản xuất các khoản mục chi phí trong quý của từng công trình cũng được thể hiện rõ trên đó

- Đánh giá sản phẩm dở dang

Cuối quý, cán bộ kỹ thuật, chỉ huy công trình nghiệm thu phần hoàn thành của công trình và xác định phần dở dang cuối quý. Cán bộ kỹ thuật sau đó lập bảng kiểm kê khối lượng xây lắp hoàn thành trong quý và dở dang cuối quý theo dự toán từng khoản mục gửi về phòng kế toán. Căn cứ bảng kiểm kê cùng với số liệu về tổng chi phí thực tế dở dang đầu quý, chi phí thực tế phát sinh trong quý, kế toán tính ra chi phí dở dang thực tế cuối quý theo nguyên tắc là giá trị xây lắp chưa đạt tới điểm dừng kỹ thuật hợp lý đã quy định và được tính theo chi phí thực tế trên cơ sở phân bổ chi phí thực tế của hạng mục công trình đó cho các giai đoạn, tổ hợp công việc đã hoàn thành và giai đoạn dở dang theo giá trị dự toán của chúng.

- Tính giá thành sản phẩm

Căn cứ các đặc điểm chung của sản phẩm xây lắp và điều kiện cụ thể của công ty, Công ty lựa chọn phương pháp đơn đặt hàng để tính giá thành sản phẩm.

Do công trình nhà xưởng Mai Hương bắt đầu công trình và kết thúc trong quý II nên không có dở dang đầu quý và cuối quý

**Biểu 2.26**

Đơn vị : CT TNHH TMVT SX Tám Nhiên

Địa chỉ: An Hoà - An Dương - Hải Phòng

**BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT**

Tên CT : Nhà xưởng Mai Hương

Quý II năm 2010

STT	Khoản mục chi phí	TK	Số tiền
1	Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	6211	3.143.164.282
2	Chi phí nhân công trực tiếp	622 1	241.629.000
3	Chi phí sản xuất chung	6271	280.358.459
	<b>Cộng</b>		<b>3.665.151.741</b>

(Nguồn trích: Tài liệu lấy từ phòng kế toán công ty)

**Biểu 2.**

**Thẻ (bảng) tính giá thành sản phẩm, dịch vụ theo khoản mục**

Tên công trình: Nhà xưởng Mai Hương

Tháng 06/2010

Khoản mục chi phí	Giá trị sản phẩm DD ĐK	Chi phí SX PS trong kỳ	Giá trị sản phẩm DD CK	Tổng giá thành
1. CPNVLTT	-	3.143.164.282	-	3.143.164.282
2. CPNCTT	-	241.629.000	-	241.629.000
3. CPSXC	-	399.654.427	-	399.654.427
Tổng		3.784.447.709		3.784.447.709

(Nguồn trích: Số liệu lấy phòng kế toán công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên)

Biểu 2.29

**Đơn vị: Công ty TNHH TMVT SX Tắm Nhiên**

**Địa chỉ: An Hoà – An Dương - Hải Phòng**

### SỔ CÁI

Tên TK: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Số hiệu: TK 154

Năm 2010

DVT: VNĐ

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			.....			
30/06	PKT	30/06	Tập hợp chi phí sản xuất CT MH	6211	3.143.164.282	
30/06	PKT	30/06		6221	241.629.000	
30/06	PKT	30/06		6271	399.654.427	
			.....			
			<b>Cộng phát sinh</b>		.....	.....
			<b>Số dư cuối kỳ</b>		.....	.....

**Người ghi sổ  
(Đã ký)**

**Kế toán trưởng  
(Đã ký)**

**Giám đốc  
(Đã ký)**

CÔNG TY TNHH MAI HƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 29 tháng 06 năm 2010

## **BIÊN BẢN**

### **NGHIỆM THU HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH ĐỂ ĐƯA VÀO SỬ DỤNG**

**1. CÔNG TRÌNH: NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIA CÔNG GIÀY DÉP VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU – CÔNG TY TNHH MAI HƯƠNG**

**2. Địa điểm xây dựng :** Xã Hồng Thái - Huyện An Dương – TP Hải Phòng.

**3. Thành phần tham gia nghiệm thu gồm:**

- Đại diện chủ đầu tư: Công ty TNHH Mai Hương

Bà : Trần Thị Lan - Chức vụ : Giám đốc công ty

Ông : Trần Văn Đức - Chức vụ: Kỹ thuật giám sát A

- Đại diện đơn vị thi công: Công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên.

Bà : Bùi Văn Tám - Chức vụ : Giám đốc công ty

Ông: Trịnh Trung Bảo - Chức vụ: Kỹ thuật giám sát A

- Đại diện cơ quan TVTK công trình xây dựng

Công ty CP TVTK và XD Trường Thành

Ông : Phan Văn Nhuận - Chức vụ: Phó tổng giám đốc công ty

Ông : Hoàng Văn Thành - Chức vụ : Cán bộ giám sát

**4. Thời gian tiến hành nghiệm thu:**

Bắt đầu : 08 giờ, ngày 29 tháng 6 năm 2010

Kết thúc : 11 giờ, ngày 29 tháng 6 năm 2010

Tại nhà xưởng 30x100m – Nhà máy sản xuất gia công giấy dếp và may mặc xuất khẩu – Công ty TNHH Mai Hương

**5. Đánh giá các hạng mục xây dựng công trình:**

a/ Tài liệu làm căn cứ để nghiệm thu:

- Phiếu yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu thi công xây dựng
- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được chủ đầu tư phê duyệt, nhật ký thi công, các văn bản liên quan
- Tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng khi thi công, kiểm tra và nghiệm thu: TCVN : 4091-85 ;  
TCVN 4453 -95.
- Hệ thống các biên bản nghiệm thu có chữ ký của các bên liên quan.

b/ Chất lượng công trình: Đảm bảo chất lượng công trình

c/ Các ý kiến khác:.....

**Kết luận: Đồng ý nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng từ ngày 29 tháng 06 năm 2010**

Các bên trực tiếp nghiệm thu chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định nghiệm thu này

NHÀ THẦU GIÁM SÁT THI CÔNG  
XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

CHỦ ĐẦU TƯ

NHÀ THẦU THI CÔNG  
XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

### **CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH TMVT SX TÁM NHIÊN**

#### **3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán chi phí sản xuất giá thành sản phẩm nói riêng tại công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên**

Công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên từ ngày thành lập đến nay đã lớn mạnh không ngừng về quy mô chất lượng sản phẩm và đã khẳng định được vị trí, vai trò của mình trên thị trường xây dựng cơ bản trong cả nước. Công ty đã khẳng định vị trí của mình trên thị trường bằng các sản phẩm xây lắp có chất lượng cao, kiểu dáng đẹp, giá thành hạ. Sự nhạy bén linh hoạt trong công tác quản lý kinh tế đã giúp công ty từng bước hoà nhập với nhịp điệu phát triển kinh tế của đất nước, chủ động trong sản xuất kinh doanh, tìm kiếm mở rộng thị trường, tăng lợi nhuận để tái sản xuất mở rộng, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ công nhân viên trong toàn công ty.

Bên cạnh tổ chức một bộ máy quản lý gọn nhẹ, hợp lý sản xuất công ty đặc biệt trú trọng tới công tác hạch toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. Hạch toán đúng từ khâu chi phí sản xuất và hạch toán chính xác giá thành sản phẩm tạo điều kiện cung cấp cần thiết cho ban giám đốc công ty ra các quyết định đúng đắn, góp phần mang lại thắng lợi cho đơn vị trong điều kiện cạnh tranh thị trường.

Vấn đề tiết kiệm ngày càng được đề cao, nhất là tiết kiệm chi phí sản xuất, đó là mục tiêu phấn đấu, là một nhiệm vụ chủ yếu trong công ty. Vì vậy để đáp ứng yêu cầu quản lý nói chung và công tác quản lý chi phí nói riêng, nhất là trong điều kiện đổi mới hiện nay, đòi hỏi công ty phải tổ chức kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm một cách chính xác, theo đúng nguyên tắc về đánh giá, phản ánh theo đúng giá thực tế tại thời điểm phát sinh chi phí, hạch toán và phân bổ chi phí theo đúng địa điểm phát sinh, đúng các đối tượng chịu

chi phí, đối tượng tính giá thành, vận dụng phương pháp tính giá thành thích hợp vào từng đối tượng tính giá.

Xuất phát từ nhận thức về tầm quan trọng của việc hạch toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, công ty đã có những chuyển biến cơ bản trong việc tính chi phí sản xuất từ khâu xác định đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành đến kế toán chi phí tổng hợp, kế toán chi phí giá thành, thực hiện việc ghi chép phản ánh một cách kịp thời, đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, các chi phí hoạt động tính vào giá thành của công trình, hạng mục công trình.

Sau một thời gian tìm hiểu thực tế về công tác kế toán nói chung và công tác quản lý, hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp nói riêng ở công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên. Em nhận thấy một số ưu khuyết điểm của công ty như sau:

### **3.1.1. Những ưu điểm đạt được của công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên.**

Công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên là một đơn vị hạch toán độc lập thuộc thành phần kinh tế quốc doanh. Tuy nhiên nhiều mặt còn chịu sự quản lý của nhà nước. Nhưng công ty đã xây dựng được một mô hình quản lý và hạch toán khoa học hợp lý, phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế thị trường, chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh, có uy tín trên thị trường trong lĩnh vực xây dựng cơ bản, đảm bảo đứng vững và phát triển trong điều kiện cạnh tranh khắc nghiệt hiện nay. Có thể khẳng định rõ qua các mặt sau:

**Thứ nhất:** Về bộ máy quản lý của công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên. Công ty đã xây dựng một mô hình quản lý và hạch toán khoa học, hợp lý, phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế thị trường. Việc kiểm tra hợp lý, hợp lệ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, lập và luân chuyển chứng từ theo đúng chế độ hiện hành.

Với bộ máy quản lý gọn nhẹ, các phòng ban chức năng phục vụ có hiệu quả cho lãnh đạo công ty trong việc giám sát của sản xuất thi công, quản lý kinh tế, công tác tổ chức sản xuất, tổ chức hạch toán được tiến hành hợp lý, phù hợp

với khoa học hiện nay. Đặc biệt phân công chức năng, nhiệm vụ cho từng người rất rõ ràng, cụ thể, cộng với trình độ năng lực nhiệt tình trung thực của đội ngũ cán bộ phòng kế toán rất cao đã đóng góp đặc lực vào công tác hạch toán và quản lý kinh tế tại công ty.

**Thứ hai:** Về hệ thống sổ sách, chứng từ, phương pháp hạch toán tại công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên.

Hình thức sổ sách được sử dụng hiện nay ở công ty là hình thức nhật ký chung, đây là hình thức sổ ghi chép đơn giản, thuận tiện cho việc áp dụng máy vi tính, nhất là trong điều kiện hiện nay, công ty đang tiến hành vi tính hoá phục vụ cho công tác quản lý và hạch toán kế toán.

Công ty áp dụng chế độ theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006, cùng các biểu mẫu chứng từ, sổ sách kế toán, công ty đã xây dựng được hệ thống sổ sách kế toán, cách ghi chép khoa học, hợp lý, phù hợp với yêu cầu, mục đích của chế độ kế toán, tổ chức kế toán quản trị, kế toán tài chính rõ ràng,... giảm bớt được khối lượng công việc ghi sổ kế toán, đáp ứng được đầy đủ thông tin hữu dụng đối với từng yêu cầu quản lý của công ty và các đối tượng khác có liên quan.

Hiện nay công ty sử dụng hệ thống chứng từ kế toán theo quy định của bộ tài chính, các chứng từ kiểm tra luân chuyển một cách thường xuyên và phù hợp với các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý, giúp ban giám đốc thường xuyên nắm bắt được tình hình biến động hàng tồn kho và ra quyết định một cách nhanh chóng, chính xác và kịp thời.

**Thứ ba:** Về tổ chức quản lý lao động, quản lý vật tư.

Công ty đã quản lý lao động có trọng tâm, luôn động viên khuyến khích đối với lao động có tay nghề cao bằng chế độ thưởng, phạt.

Ngoài ra, công ty còn chia lao động thành lao động trong danh sách và lao



động ngoài danh sách đề động viên, huy động công nhân được linh hoạt

Về quản lý và mua bán vật tư được giao cho các đội nhưng phải đảm bảo phù hợp với giá cả thị trường tại địa điểm và thời điểm thi công công trình dưới sự giám sát chặt chẽ của ban vật tư công ty

**Thứ tư:** Về tổ chức hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm công ty thống nhất trong phương pháp xác định và hạch toán các loại chi phí sản xuất. Mặc dù các công trình công ty đảm nhiệm thi công thường nằm xa trụ sở công ty. Tuy nhiên kế toán công ty vẫn tổ chức hạch toán chi phí sản xuất cho từng công trình, hạng mục công trình trong quý một cách rõ ràng, đơn giản, phục vụ tốt cho yêu cầu quản lý chi phí sản xuất, quản lý và phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty sản xuất. Việc hạch toán riêng rẽ chi phí sản xuất cho từng công trình rất thuận tiện cho việc theo dõi và tính giá thành của công trình, hạng mục công trình những ưu điểm trong công tác quản lý nói chung, quản lý sản xuất và kế toán tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng đã góp phần nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh, cải thiện đời sống cho cán bộ công nhân viên, tạo ra sự tích lũy và tái sản xuất mở rộng ở công ty. Tuy nhiên trong điều kiện kinh tế thị trường cạnh tranh cộng với sự thay đổi chưa hoàn thiện trong hệ thống kế toán đã làm công ty gặp một số khó khăn và tồn tại nhất định nhất là trong công tác kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp.

### **3.1.2. Những hạn chế cần khắc phục**

#### **Thứ nhất: Về thông tin kế toán**

Do các công trình thường ở xa trụ sở của công ty, việc đi lại giữa các cơ sở gặp nhiều khó khăn nên thông tin kế toán ở công ty thường đến chậm. Tại các công trình, kế toán công trình có nhiệm vụ thu thập các chứng từ gửi về phòng kế toán công ty theo định kỳ. Còn tại công ty nếu có sự thay đổi nào về các hạch toán hay phương pháp ghi chép lại phải cử người xuống công trình để thông báo,

hướng dẫn cho kế toán công trình. Đây là một đặc điểm chung rất khó điều chỉnh không chỉ ở công ty mà còn ở những doanh nghiệp xây lắp khác.

### **Thứ 2: Về quản lý nguyên vật liệu.**

Nguyên vật liệu được công ty giao khoán cho các công trình. Nghĩa là mỗi công trình công ty yêu cầu kế toán tính định mức số nguyên vật liệu cần dùng và giao cho đội trưởng/đội thi công quản lý. Điều này một mặt có ưu điểm là tiết kiệm chi phí sản xuất để hạ giá thành sản phẩm xây lắp nhưng nhược điểm là để tránh phải bù lỗ nếu sử dụng quá mức giao khoán hoặc được hưởng chênh lệch nếu sử dụng không hết, thì công trình phải tiết kiệm nguyên vật liệu một cách triệt để. Điều này dẫn đến tình trạng không kiểm soát được xl và chủng loại của nguyên vật liệu dùng vào thi công công trình, nhất là tình trạng phải bù lỗ vật tư cho công trình.

### **3.2 .Tính chất chủ yếu phải hoàn thiện công tác kế toán tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty.**

Hạch toán chính xác chi phí sản xuất có nghĩa là công ty ghi nhận đầy đủ các chi phí phải chi ra để thu được những khoản lợi nhuận cho tương lai. Nếu khoản hao phí này được hạch toán chính xác thì mới làm cơ sở cho việc tính đúng khoản lợi mà doanh nghiệp được. Để làm được điều này, buộc kế toán tuân thủ nguyên tắc: “chỉ ghi nhận các khoản thu nhập chắc chắn xảy ra nhưng được phép ghi nhận tất cả các khoản chi phí có thể phát sinh”.

Hạch toán chính xác chi phí sản xuất đồng nghĩa với việc tuân thủ các quy định của nhà nước liên quan đến hạch toán chi phí sản xuất như phương pháp tính giá nguyên vật liệu xuất kho, phương pháp khấu hao tài sản cố định, hệ thống sổ sách,...

Hạch toán chính xác chi phí sản xuất còn là cơ sở tính đúng tính đủ giá thành sản phẩm. Chỉ tiêu tổng giá thành và giá thành đơn vị sản phẩm rất nhạy cảm đối với người quản lý và những người quan tâm khác, bởi nhờ nhìn vào đó người ta có thể biết được lợi nhuận trong năm này, quý này, tháng này thu được

là bao nhiêu trên một đơn vị sản phẩm. Mặt khác, chỉ tiêu tổng giá thành còn thể hiện là giá vốn mà doanh nghiệp phải bỏ ra khi tiêu thụ sản phẩm, từ đó xác định lợi nhuận gộp thu được khi tiêu thụ sản phẩm.

Công ty TNHH TMVT SX Tắm Nhiên là doanh nghiệp đầu ngành về xây dựng các công trình và hạng mục công trình, có trách nhiệm hướng dẫn các doanh nghiệp trong các thành phần kinh tế khác cùng ngành phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Sứ mệnh lịch sử đó chỉ thực hiện được khi công ty sản xuất, kinh doanh thực sự hiệu quả, chi phí sản xuất, chi phí ngoài sản xuất thấp, công nghệ sản xuất ngày càng hiện đại, đời sống của cán bộ công nhân viên trong công ty không ngừng được nâng cao....

Nhận thức được điều này công ty luôn củng cố và hoàn thiện mọi mặt về tổ chức sản xuất, quy trình công nghệ, tổ chức công tác kế toán,...Nhất là kế toán tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành của công trình.

Lịch sử hơn 12 năm qua, công ty đã thể hiện được khả năng trụ vững và không ngừng đi lên. Với sản phẩm là những công trình thể hiện tính ưu việt về giá cả, chất lượng sản phẩm của công ty đã được khách hàng chấp nhận.

Trong chương này, em xin nêu một số ý kiến cá nhân về hoàn thiện hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty.

### **3.3. Phương hướng thực hiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty.**

Phương pháp thực hiện hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là những tư tưởng chỉ đạo có tính xuyên suốt trong quá trình hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành. Tuân thủ các phương pháp đó sẽ giúp cho việc hạch toán đúng đắn, khách quan, khoa học. Sau đây là một số biện pháp chủ yếu:

**Thứ nhất:** Phải xác nhận đúng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất, lựa chọn phương pháp tập hợp và tiêu thức phân bổ thích hợp.

xác định đúng đối tượng tập hợp cho chi phí sản xuất thì chi phí được tập hợp đầy đủ, chính xác, không bị chồng chéo, bỏ sót.

Lựa chọn phương pháp tập hợp chi phí sản xuất phù hợp thì giúp cho việc tập hợp chi phí được khách quan, đúng với chức năng vị trí đối tượng ấy.

**Thứ 2:** Phải xác định đúng đối tượng tính giá thành và lựa chọn phương pháp tính giá thích hợp.

Như chúng ta đã biết, giá thành là một chỉ tiêu kinh tế tổng hợp, phản ánh việc sử dụng các loại tài sản, vật tư, tiền vốn trong quá trình sản xuất, chế tạo sản phẩm, cũng như các giải pháp mà doanh nghiệp thực hiện nhằm mục đích chi phí bỏ ra ít nhất nhưng kết quả sản xuất kinh doanh thu được nhiều nhất. Giá thành sản phẩm là cơ sở để tính toán và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Do vậy cần xác định đúng đối tượng và phương pháp tính giá thành.

**Thứ 3:** Xác định quy tắc tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành trong doanh nghiệp. Những quy tắc đó quy định trình tự công việc sao cho việc hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm được tiến hành thuận lợi và kịp thời, phù hợp với yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

**Thứ 4:** phân loại chi phí sản xuất, xác định các loại giá thành phù hợp với yêu cầu công tác tổ chức quản lý và hạch toán.

### **3.4. Nội dung và giải pháp hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm tại công ty TNHH TM VT SX Tám Nhiên:**

Trong nền kinh tế thị trường, kinh doanh có lãi là mục tiêu mà nhiều doanh nghiệp đều hướng tới. Để đạt được mục tiêu này đòi hỏi các doanh nghiệp phải có sự giám sát chặt chẽ trong quá trình sử dụng vật tư, tài sản, tiền vốn và lao động một cách có hiệu quả trên cơ sở tổ chức ngày càng hợp lý quá trình hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Từ đó cung cấp một cách đầy đủ, kịp thời những thông tin cần thiết cho những nhà quản lý để những nhà quản lý ra quyết định một cách tối ưu nhất, phấn đấu tiết kiệm chi phí sản xuất và hạ giá thành sản phẩm.

Tiết kiệm chi phí của doanh nghiệp đồng nghĩa với việc nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng lợi nhuận của doanh nghiệp. Đồng thời yêu cầu của công tác

quản lý kinh tế nói chung và công tác kế toán nói riêng đòi hỏi các doanh nghiệp phải tổ chức hạch toán chi phí sản xuất một cách chính xác. Sự chính xác này thể hiện ở tất cả các bước từ việc tổ chức ghi chép, phản ánh đầy đủ, trung thực các loại chi phí đến việc tính toán những chi phí đó bằng tiền đảm bảo phản ánh các chi phí đó đúng thời kỳ, đúng địa điểm chịu chi phí, tính đủ chỉ tiêu giá thành là cơ sở để xây dựng cơ cấu sản phẩm hợp lý, khai thác sử dụng khả năng tiềm tàng của doanh nghiệp. Đồng thời đó cũng là cơ sở để xây dựng, kiểm tra tình hình thực hiện định mức tiêu hao, là căn cứ xây dựng kết quả kinh doanh, từ đó tránh được tình trạng lãi giả, lỗ thật. Mặt khác, cùng với chất lượng sản phẩm luôn được coi là mối quan tâm hàng đầu. Phần đầu hạ giá thành, đảm bảo tiến độ thi công, đảm bảo chất lượng công trình là nhân tố quyết định tới hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và thu nhập của người lao động.

### **3.4.1. Kiến nghị 1:** Hoàn thiện hạch toán chi phí sản xuất chung

Trong các doanh nghiệp sản xuất vật chất nói chung và doanh nghiệp xây lắp nói riêng, muốn tồn tại và phát triển phải luôn quan tâm tới vấn đề chất lượng sản phẩm tốt và giá thành hạ. Do vậy việc kiểm soát chi phí nhằm hạn chế tối đa các chi phí thừa là vấn đề mọi doanh nghiệp đều quan tâm. Vì vậy tại công ty cần có các biện pháp kiểm soát nhằm tiết kiệm chi phí.

Hiện nay công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên hạch toán chi phí sản xuất chung như sau: tất cả các chứng từ của công trình nhà xưởng Mai Hương, cũng như các chứng từ chung liên quan đến công trình khác thì kế toán đều hạch toán vào sổ chi phí sản xuất chung các công trình sau đó mới phân bổ cho từng công trình. Như vậy việc hạch toán chi phí sản xuất chung sẽ không được sát với thực tế.

Theo em, công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên nên hạch toán: những chứng từ chỉ liên quan đến công trình nhà xưởng Mai Hương thì hạch toán riêng cho công trình đó, còn những chứng từ liên quan đến nhiều công trình thì lúc đó mới hạch toán vào sổ chi phí sản xuất chung cho các công trình rồi mới phân bổ cho các công trình. Vậy số liệu sẽ chính xác hơn

**3.4.2. Kiến nghị 2:** Hoàn thiện hạch toán chi phí sử dụng máy thi công

Máy móc thi công là một yếu tố quan trọng trong việc sản xuất thi công công trình, hạng mục công trình, đặc biệt là những công trình có giá trị lớn. Sử dụng máy móc thi công giúp doanh nghiệp nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm xây lắp, đồng thời đảm bảo chất lượng cũng như tiến độ thi công các công trình. Chi phí sử dụng máy thi công gồm chi phí thường xuyên (như chi phí nhiên liệu máy, khấu hao máy, lương công nhân điều khiển máy....) và các chi phí tạm thời (như chi phí sửa chữa lớn, chi phí lều, lán...)

Hiện nay tại công ty thực hiện xây lắp các công trình theo phương thức thi công hỗn hợp (vừa thủ công, vừa kết hợp bằng máy), công ty nên hạch toán riêng chi phí sử dụng máy thi công chứ không hạch toán chung với chi phí sản xuất chung. Do vậy rất thuận tiện cho việc tổng hợp chi phí để tính giá thành công trình, hạng mục công trình. Công ty nên sử dụng TK 623 để hạch toán và chi tiết cho từng khoản mục.

TK 623 – Chi phí sử dụng máy thi công

Sử dụng tài khoản cấp 2

TK 6231 – Chi phí nhân công

TK 6232 – Chi phí nhiên liệu

TK 6234 – Chi phí khấu hao máy thi công

TK 6237 – Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 6238 – Chi phí bằng tiền khác

Số lượng máy móc thi công tại công ty không nhiều. Ngoài một số máy mới được công ty trang bị gần đây còn lại đa số là máy cũ với hệ số hao mòn cao và chỉ những công trình chính có khả năng vận chuyển mới được giao máy. Vì vậy để theo dõi khoản mục chi phí sử dụng máy thi công một cách sát sao, chặt chẽ hơn vì việc tập hợp chi phí sử dụng máy thi công ngoài việc tập hợp trên TK 623 cũng nên được hạch toán riêng biệt theo từng máy thi công chứ không nên hạch toán chung tất cả các máy vào cùng một sổ theo dõi. Công ty nên sử dụng mẫu sổ sau

Biểu 3.2

**SỔ CHI TIẾT CHI PHÍ SỬ DỤNG MÁY THI CÔNG**

TK 623 – Chi phí sử dụng máy thi công

Tên máy:

Công suất:

Nước sản xuất:

Tháng .....năm.....

Chứng từ		Diễn giải	TKĐU	Khoản mục chi phí					Cộng
SH	NT			6231	6232	6234	6237	6238	
		<b>Tổng cộng</b>							

**3.4.4. Kiến nghị 3:** Hoàn thiện hạch toán chi phí nhân công trực tiếp

Lực lượng nhân công thuê ngoài nhiều khi quản lý chưa chặt chẽ, dẫn đến việc chấm công không được chính xác. Để cải thiện tình hình này các đội hạch toán tiền lương dựa trên các bảng nghiệm thu khối lượng công trình hoàn thành và bảng chấm công do đội trưởng đội thi công chấm có sự theo dõi chặt chẽ của kế toán công ty. Ngoài việc kiểm tra giám sát chặt chẽ chi phí tiền lương theo khối lượng công việc để tiết kiệm khoản mục chi phí này thì biện pháp tăng năng suất lao động cũng cần được công ty đặc biệt quan tâm. Vì vậy công ty cần nghiên cứu tổ chức biện pháp thi công sao cho khoa học, phối hợp các khâu chặt chẽ và có biện pháp khuyến khích đối với công nhân thực hiện tốt việc tăng năng suất lao động.

- Là một công ty lớn thành lập lâu năm công ty nên có những chính sách và chế độ cho công nhân thi công như nộp BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ. Có như vậy công nhân sẽ gắn bó lâu dài với công ty.

### **3.4.5. Kiến nghị 4:** Ứng dụng tin học vào công tác kế toán

Trong thời gian tới công ty nên tiến hành ứng dụng các phần mềm kế toán vào công tác kế toán, đặc biệt là kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm không những tạo điều kiện giảm nhẹ khối lượng công việc và điều quan trọng hơn là nó cung cấp thông tin nhanh chóng, chính xác và đa dạng cho ban lãnh đạo công ty.

Công ty có thể mua phần mềm kế toán của các nhà cung cấp phần mềm kế toán chuyên nghiệp như:

- Phần mềm kế toán MISA của công ty cổ phần MISA.
- Phần mềm kế toán EFFECT của công ty cổ phần EFFECT
- Phần mềm kế toán ACMAN g ty cổ phần ACMAN

Khi thực hiện giải pháp này sẽ giúp cho việc xử lý và cung cấp thông tin kinh tế - tài chính nhanh chóng, kịp thời, chính xác và tiết kiệm được sức lao động, hiệu quả công việc cao đồng thời lưu trữ, bảo quản dữ liệu thuận tiện,...

## **3.5. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên**

### **3.5.1. Về phía nhà nước**

Nhà nước ta ban hành những chính sách phù hợp, kịp thời với sự biến động của nền kinh tế. Đặc biệt, tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện chế độ tài chính nói chung và chế độ kế toán nói riêng trên nguyên tắc tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán quốc tế và phù hợp với các nguyên tắc và các thông lệ có tính phổ biến kế toán các nước có nền kinh tế phát triển.

### **3.5.2. Về phía doanh nghiệp**

Phải thường xuyên bồi dưỡng nghiệp vụ cho nhân viên kế toán để có thể kịp thời thay đổi tổ chức hạch toán kế toán tại đơn vị mình phù hợp với chế độ kế toán.

Đây là một trong những điều kiện quan trọng để phát triển kinh tế đưa doanh nghiệp hội nhập với thế giới.



## KẾT LUẬN

Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là một bộ phận quan trọng trong toàn bộ quá trình hạch toán kế toán của mỗi doanh nghiệp. Hạch toán đầy đủ, kịp thời, chính xác các chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ tạo điều kiện cho việc tính giá thành chính xác, đầy đủ, nhanh chóng và kịp thời.

Việc nghiên cứu tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên đã giúp em hiểu thêm thực tế về công tác hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm tại công ty và tầm quan trọng của nó. Khoá luận đã hệ thống hoá một số vấn đề lý luận về kế toán chi phí sản xuất – tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất, nghiên cứu và đánh giá chân thực nhất về tổ chức kế toán này tại công ty đồng thời đề xuất một số kiến nghị nhằm góp phần hoàn thiện tổ chức kế toán tại công ty.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng, song do trình độ lý luận cũng như thực tiễn của em còn hạn chế nên khoá luận tốt nghiệp không thể tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô để em có thể khắc phục được những thiếu sót đó.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn thầy giáo Ths. Nguyễn Đức Kiên và các cô, chú cán bộ phòng kế toán của công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên đã hướng dẫn tận tình và tạo điều kiện giúp em hoàn thành bài khoá luận tốt nghiệp này.

***Em xin chân thành cảm ơn!***

Sinh viên

Lê Thị Vân Anh

## MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU .....	1
CHƯƠNG 1 .....	3
LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT .....	3
VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT .....	3
1.1. Bản chất và nội dung kinh tế của chi phí sản xuất .....	3
1.2. Bản chất và chức năng của giá thành sản phẩm .....	4
1.3. Phân loại chi phí sản xuất .....	5
1.3.1. Phân loại theo yếu tố chi phí ( nội dung kinh tế của chi phí) .....	6
1.3.2. Phân loại theo khoản mục chi phí trong giá thành sản phẩm .....	6
1.3.3. Phân loại chi phí sản xuất theo mối quan hệ với khối lượng sản phẩm sản xuất trong kỳ ( theo cách ứng xử của chi phí) .....	7
1.4. Phân loại giá thành sản phẩm .....	8
1.4.1. Phân loại giá thành xét theo thời điểm tính giá thành .....	8
1.4.2. Phân loại theo phạm vi phát sinh chi phí .....	9
1.5. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất, đối tượng tính giá thành sản phẩm và kỳ tính giá thành sản phẩm .....	9
1.5.1. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất .....	9
1.5.2. Đối tượng tính giá thành sản phẩm .....	10
1.5.3. Kỳ tính giá thành sản phẩm .....	12
1.6. Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất .....	12
1.6.1. Phương pháp tập hợp trực tiếp: .....	13
1.6.2. Phương pháp phân bổ gián tiếp: .....	13
1.7. Phương pháp tính giá thành sản phẩm .....	14
1.7.1. Tính giá thành theo phương pháp trực tiếp (giản đơn) .....	14
1.7.2. Tính giá thành theo phương pháp tổng cộng chi phí .....	14
1.7.3. Tính giá thành theo phương pháp hệ số .....	15
1.7.4. Tính giá thành theo phương pháp tỷ lệ .....	15
1.7.5. Tính giá thành theo phương pháp loại trừ sản phẩm phụ .....	16
1.7.6. Tính giá thành theo phương pháp đơn đặt hàng .....	16
1.7.7. Tính giá thành theo phương pháp phân bước. ....	17
1.8. Đánh giá sản phẩm dở dang .....	19
1.8.1. Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên liệu trực tiếp .....	20
1.8.2. Đánh giá sản phẩm dở dang theo sản lượng ước tính tương đương .....	20
1.8.3. Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ theo 50% chi phí chế biến. ....	21
1.8.4. Đánh giá sản phẩm dở dang theo phương pháp định mức .....	21
1.9. Nội dung hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm .....	22
1.9.1. Hạch toán chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. ....	22
1.9.1.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp .....	22
1.9.1.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp. ....	23
1.9.1.3. Kế toán chi phí sản xuất chung .....	24
1.9.1.4. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất. ....	26
1.9.2. Hạch toán chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ. ....	27
1.10. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo các hình thức kế toán .....	29

1.10.1. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật Ký Chung.....	29
1.10.2. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức Nhật ký - Sổ cái.....	30
1.10.3. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức Chứng từ ghi sổ.....	31
1.10.4. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức Nhật ký - Chứng từ.....	32
1.10.5. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán trên máy vi tính.....	33
<b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH TMVT SX TÁM NHIÊN.....</b>	<b>34</b>
2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên.....	34
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên .....	34
2.1.2. Đặc điểm sản phẩm, tổ chức sản xuất và quy trình công nghệ tại công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên.....	35
2.1.2.1. Đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh.....	35
2.1.2.2. Quy trình công nghệ sản xuất.....	35
2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên .....	36
2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên.....	37
2.1.4.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại công ty.....	37
2.1.4.2. Chính sách kế toán áp dụng tại Công ty.....	39
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty.....	42
2.2.1. Đặc điểm và cách phân loại chi phí sản xuất .....	42
2.2.1.1. Đặc điểm chi phí sản xuất tại công ty .....	42
2.2.1.2. Phân loại chi phí sản xuất .....	42
2.2.2. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm .....	43
2.2.2.1. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất.....	43
2.2.2.2. Đối tượng tính giá thành sản phẩm .....	44
2.2.3. Kỳ tính giá thành và phương pháp tính giá thành sản phẩm.....	44
2.2.3.1. Kỳ tính giá thành .....	44
2.2.3.2. Phương pháp tính giá thành .....	44
2.2.4. Nội dung, trình tự hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty.....	44
2.2.4.1. Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tại công ty. ....	44
2.2.4.2. Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp tại công ty.....	53
2.2.4.3. Hạch toán chi phí sản xuất chung tại công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên. ....	62
2.2.4.5. Tổng hợp chi phí sản xuất, đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm .....	72
<b>CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH TMVT SX TÁM NHIÊN.....</b>	<b>78</b>
3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán chi phí sản xuất giá thành sản phẩm nói riêng tại công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên .....	78
3.1.1. Những ưu điểm đạt được của công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên.....	79
3.1.2. Những hạn chế cần khắc phục .....	81
3.2. Tính chất chủ yếu phải hoàn thiện công tác kế toán tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty.....	82

<b>3.3. Phương hướng thực hiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty.....</b>	<b>83</b>
<b>3.4. Nội dung và giải pháp hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm tại công ty TNHH TM VT SX Tám Nhiên: .....</b>	<b>84</b>
<b>3.5. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH TMVT SX Tám Nhiên .....</b>	<b>88</b>
<b>3.5.1. Về phía nhà nước .....</b>	<b>88</b>
<b>3.5.2. Về phía doanh nghiệp.....</b>	<b>88</b>
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>89</b>